

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN KRÔNG BÚK
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHAN BỘI CHÂU

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐẮK LẮK - 2024

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN KRÔNG BÚK
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHAN BỘI CHÂU

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông: Đoàn Văn Khiêm	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Ông: Vũ Đình Dư	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch HĐ	
3	Ông: Nguyễn Văn Sáng	Chủ tịch CĐCS	Ủy viên HĐ	
4	Ông: La Văn Cân	Nhân viên	Ủy viên HĐ	
5	Bà: Hoàng Thị Yến	Tổ trưởng Tổ Văn phòng	Ủy viên HĐ	
6	Bà: Nguyễn Thị Thủy	Nhân viên	Ủy viên HĐ	
7	Bà: Hoàng Thị Hồng	Thư ký HĐ	Thư ký 2	
8	Ông: Hồ Hồng Vịnh	Giáo viên TPT Đội	Ủy viên HĐ	
9	Ông: Nguyễn Quang Vinh	Tổ phó CM	Thư ký 1	
10	Bà: Trần Thị Loan	Văn thư - Thủ Quỹ	Ủy viên HĐ	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	2
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	4
Tổng hợp kết quả tự đánh giá	6
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	8
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	13
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	16
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	16
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	16
Mở đầu	16
Tiêu chí 1.1	16
Tiêu chí 1.2	17
Tiêu chí 1.3	18
Tiêu chí 1.4	19
Tiêu chí 1.5	21
Tiêu chí 1.6	22
Tiêu chí 1.7	23
Tiêu chí 1.8	24
Tiêu chí 1.9	25
Tiêu chí 1.10	26
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	27
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	28
Mở đầu	28
Tiêu chí 2.1	28
Tiêu chí 2.2	29
Tiêu chí 2.3	30
Tiêu chí 2.4	32
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	33
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	33
Mở đầu	33
Tiêu chí 3.1	33
Tiêu chí 3.2	34
Tiêu chí 3.3	36
Tiêu chí 3.4	37
Tiêu chí 3.5	38
Tiêu chí 3.6	39

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	40
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	40
Mở đầu	40
Tiêu chí 4.1	40
Tiêu chí 4.2	41
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	43
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	43
Mở đầu	43
Tiêu chí 5.1	43
Tiêu chí 5.2	45
Tiêu chí 5.3	46
Tiêu chí 5.4	47
Tiêu chí 5.5	48
Tiêu chí 5.6	49
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	51
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	52
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	55
Phần IV. PHỤ LỤC	56

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chuỗi ký tự viết tắt	Cụm từ, thuật ngữ được viết tắt
1	BGH	Ban giám hiệu
2	Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	CB-GV-NV	Cán bộ - giáo viên - nhân viên
4	CB-GV-NV-NLĐ	Cán bộ - giáo viên - nhân viên - người lao động
5	CBGV	Cán bộ giáo viên
6	CM	Chuyên môn
7	CMHS	Cha mẹ học sinh
8	CNTT	Công nghệ thông tin
9	CSVC	Cơ sở vật chất
10	DTHT	Dạy thêm học thêm
11	ĐDDH	Đồ dùng dạy học
12	ĐHSP	Đại học sư phạm
13	GV	Giáo viên
14	GVBM	Giáo viên bộ môn
15	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
16	GVCNG	Giáo viên chủ nhiệm giỏi
17	GVDG	Giáo viên dạy giỏi
18	GVHĐ	Giáo viên hợp đồng
19	GDKNS	Giáo dục kỹ năng sống
20	HĐ	Hội đồng
21	HT	Hiệu trưởng
22	HS	Học sinh
23	HL	Học lực
24	HK	Hạnh kiểm
25	HĐTĐ	Hội đồng thi đua
26	HĐTĐG	Hội đồng tự đánh giá
27	HKPĐ	Hội khỏe phù đồng
28	HSTT	Học sinh tiên tiến
29	HSG	Học sinh giỏi
30	HSG VH	Học sinh giỏi văn hóa
31	HSG TDTT	Học sinh giỏi thể dục thể thao
32	HTTNV	Hoàn thành tốt nhiệm vụ

33	HN CB-GV-NV-NLĐ	Hội nghị cán bộ - giáo viên - nhân viên - người lao động
34	KHDH	Kế hoạch dạy học
35	LLCT	Lý luận chính trị
36	MG	Mẫu giáo
37	NV	Nhân viên
38	NGLL	Ngoài giờ lên lớp
39	PGD	Phòng Giáo dục
40	Phòng GD&ĐT	Phòng Giáo dục và Đào tạo
41	Sở GD&ĐT	Sở Giáo dục và Đào tạo
42	TT	Thông tư
43	TSVM	Trong sạch vững mạnh
44	TĐG	Tự đánh giá
45	TDTT	Thể dục thể thao
46	THCS	Trung học cơ sở
47	TTND	Thanh tra nhân dân
48	TBDH	Thiết bị dạy học
49	UBND	Ủy ban nhân dân
50	VN	Văn nghệ
51	VT-TQ	Văn thư - thủ quỹ
52	VP	Văn phòng

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (×) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	-----
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	-
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	-----
Tiêu chí 1.8		x	x	-----
Tiêu chí 1.9		x	x	-----
Tiêu chí 1.10		x	x	-----
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	-
Tiêu chí 2.3		x	x	-
Tiêu chí 2.4		x	x	-
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	-
Tiêu chí 3.3		x	x	-
Tiêu chí 3.4		x	x	-----
Tiêu chí 3.5		x	x	-
Tiêu chí 3.6		x	x	-
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	-----
Tiêu chí 5.4		x	x	-----
Tiêu chí 5.5		x	x	x
Tiêu chí 5.6		x	x	-

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 1, Điều 22		x	
Khoản 2, Điều 22		x	
Khoản 3, Điều 22		x	
Khoản 4, Điều 22		x	
Khoản 5, Điều 22		x	
Khoản 6, Điều 22		x	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): **TRƯỜNG THCS PHAN BỘI CHÂU**

Tên trước đây (nếu có):

Phòng Giáo dục và Đào tạo: **HUYỆN KRÔNG BÚK**

Tỉnh	Đắk Lắk
Huyện	Krông Búk
Xã	Chư Kbo
Đạt chuẩn quốc gia	2018
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2005
Công lập	x
Tư thực	
Trường chuyên biệt	
Trường liên kết với nước ngoài	

Họ và tên hiệu trưởng	Đoàn Văn Khiêm
Điện thoại	02623600738
Fax	
Website	http://thcs- phanboichau- daklak.edu.vn/
Số điểm trường	01
Loại hình khác	
Thuộc vùng khó khăn	
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Khối lớp 6	3	4	4	3	4	4
Khối lớp 7	3	3	4	4	3	4
Khối lớp 8	4	3	3	4	4	3
Khối lớp 9	3	4	3	3	3	3
Cộng	13	14	14	14	14	14

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập						
1	Phòng học	14	14	14	14	14	14
a	Phòng kiên cố	14	14	14	14	14	14

b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0
2	Phòng học bộ môn	02	05	05	05	06	06
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	0
b	Phòng bán kiên cố	02	05	05	05	06	06
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0
3	Khối phòng phục vụ học tập	01	01	01	01	01	01
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	0
b	Phòng bán kiên cố	01 (Phòng TB)	01 (Phòng TB)	01 (Phòng TB)	01 (Phòng TB)	01 (Phòng TB)	01 (Phòng TB)
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0
II	Khối phòng hành chính - quản trị	06	06	06	06	06	06
1	Phòng kiên cố	06	06	06	06	06	06
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	0
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0
III	Thư viện	01	01	01	01	01	01
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	01 Nhà đa chức năng	01 Nhà đa chức năng	01 Nhà đa chức năng	01 Nhà đa chức năng	01 Nhà đa chức năng	01 Nhà đa chức năng
...							
	Cộng	25	28	28	28	29	29

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG (tháng 9 năm 2023)

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	0	0	0	01	0	
Phó hiệu trưởng	01	0	0	0	01	0	
Giáo viên	26	14	0	0	26	0	
Nhân viên	06	03	01	01 (BV)	04	01	
Cộng	34	17	01	01	32	01	

b) Số liệu của 5 năm gần đây (Năm học 2023-2024: chưa thể tổng hợp đầy đủ số liệu thống kê)

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số giáo viên	26	24	28	27	27	25
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	2.0	1.7	2.0	1.92	1.85	1.78/1.9
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh (tính cả TPT Đội)	27/490 ~ 0,055	25/509 ~ 0,049	29/509 ~ 0,057	28/501 ~ 0,056	27/520 ~ 0,052	26/529 ~ 0,049
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	04 (GVCN Giỏi)	Không tổ chức thi	10	Không tổ chức thi	05 (GVCN Giỏi)	08
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	Không tổ chức thi	Không tổ chức thi	04 + 01 (GVĐG + TPT)	Không tổ chức thi	Không tổ chức thi	Không tổ chức thi
6	Các số liệu khác (nếu có)						

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
	Tổng số học sinh	490	509	509	501	520	529

1	- Nữ	216	236	238	243	238	265
	- Dân tộc thiểu số	0	01	01	02	04	08
	- Khối lớp 6	129	139	141	110	142	153
	- Khối lớp 7	129	122	134	137	106	142
	- Khối lớp 8	144	120	121	132	139	113
	- Khối lớp 9	92	133	113	115	133	124
2	Tổng số tuyển mới	123	133	135	108	138	154
3	Học 2 buổi/ngày	-	-	-	-	-	-
4	Bán trú	-	-	-	-	-	-
5	Nội trú	-	-	-	-	-	-
6	Bình quân số học sinh/lớp học	37	36,36	36,36	35,78	37	38
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	- Nữ	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	- Dân tộc thiểu số	0	01	01	02	04	08
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	28	33	28	23	32	55
		02	0	0	0	02	-
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	-
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	62	63	60	59	44	63
	- Nữ	34	27	29	27	22	29
	- Dân tộc thiểu số	0	01	01	02	04	01
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	04	04	06 (mồ côi + khuyết tật + bệnh hiểm nghèo)	04 (khuyết tật + bệnh hiểm nghèo)	04 (khuyết tật)	04 (khuyết tật)
...	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024 (Học kì I)
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi + tốt, xuất sắc	11,48%	11,75%	10,78%	9,94%	10,17%	8,06% + 6,91%
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	36,95%	34,66%	40,32%	36,11%	33,01%	41,94% + 24,44%
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém + chưa đạt	10,02 %	9,36%	8,58%	11,16%	14,01%	15,33% + 21,47%
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	72,86%	75,70%	75,85%	81,14%	73,90%	74,19% + 71,11%
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	26,51%	23,31%	23,95%	18,86%	25,72%	25,81% + 28,40%
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình + đạt	0,63%	1%	0,2%	0%	0,38%	0% + 0,25%
Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS (THPT)	89/90 (98,89%)	100%	108/111 (97,3%)	114/114 (100%)	129/133 (97%)	-
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học						Đối với nhà trường có lớp tiểu học
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học						
Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học						
Các số liệu khác (nếu có)						

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường THCS Phan Bội Châu được thành lập năm 2005 theo Quyết định số 5704/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2005 của UBND huyện Krông Búk, tại địa chỉ Thôn Nam Anh, xã Chư Kbô, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Qua 18 năm xây dựng và trưởng thành được sự quan tâm của Đảng ủy, HĐND-UBND xã, các cấp, các ngành từ xã đến huyện, tỉnh, đó là động lực giúp nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian qua.

Cơ sở vật chất nhà trường từng bước được tăng cường, đồ dùng trang thiết bị được bổ sung qua việc tự mua sắm của nhà trường. Công tác vận động tài trợ được chú trọng, hoạt động sư phạm ngày càng phát triển phong phú chuyên sâu. Công tác chăm lo xây dựng đời sống văn hóa trong CB-CC-VC-NLĐ đã được nâng dần.

Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên nhiệt tình, đã khơi dậy được phong trào thi đua dạy tốt học tốt, phong trào giảng dạy ứng dụng CNTT, thực hiện các chuyên đề về vận dụng và đổi mới phương pháp vào công tác giảng dạy trong nhà trường, từ đó tạo được niềm tin tưởng, đoàn kết hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao và ngày càng hoàn thiện tiêu chí của trường học đạt chuẩn.

2. Mục đích TĐG

Hội đồng tự đánh giá của nhà trường xem xét, tự kiểm tra, đánh giá và chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục trong nhà trường.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên. Hội đồng tự đánh giá của trường THCS Phan Bội Châu gồm 07 thành viên, trong đó có cán bộ quản lý, thư ký hội đồng trường, các tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng văn phòng, đại diện Công đoàn, bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. Các thành viên trong hội đồng được phân công theo nhóm nhằm thu thập, phân tích, xử lý các minh chứng, đồng thời giúp chủ tịch Hội đồng rà soát hoàn chỉnh các phiếu đánh giá và tập hợp thành báo cáo tự đánh giá của nhà trường.

Trường THCS Phan Bội Châu đã tiến hành tự đánh giá theo quy trình sau (*tiếp tục kế hoạch tự đánh giá từ năm học 2022-2023*)

Thời gian	Nội dung hoạt động
9/2022	1. Họp lãnh đạo nhà trường để thảo luận dự kiến các thành viên Hội đồng TĐG và các vấn đề liên quan đến triển khai hoạt động TĐG. 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG.

	<p>3. Họp Hội đồng TĐG để:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng TĐG; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm công tác và cá nhân; - Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng TĐG triển khai hoạt động TĐG (nếu có); - Dự thảo và ban hành Kế hoạch TĐG. <p>4. Phổ biến Kế hoạch TĐG đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường và các bên liên quan.</p>
10/2022	<p>1. Tổ chức hội thảo/tập huấn/hội nghị về nghiệp vụ TĐG cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường và các bên liên quan.</p> <p>2. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí.</p>
11/2022	<p>1. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí (tiếp theo việc tháng 10); - Phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. <p>2. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.</p> <p>3. Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí.</p>
12/2022	<p>Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí (tiếp theo việc tháng 11).</p>
01/2023	<p>Họp hội đồng TĐG để:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động TĐG (nếu có); - Các nhóm chuyên trách, cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng TĐG; - Chính sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí (trong đó đặc biệt chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng); - Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung (nếu có); - Dự thảo báo cáo TĐG.
02/2023	<p>Họp Hội đồng TĐG để:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG và các nội dung liên quan (nếu có); - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo TĐG; - Thông qua báo cáo TĐG đã chỉnh sửa, bổ sung;

	<ul style="list-style-type: none"> - Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ trường; - Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo TĐG; - Bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG sau khi có các ý kiến góp ý; - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung và đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng (nếu có).
03/2023	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các thành viên của Hội đồng TĐG ký tên vào danh sách trong báo cáo TĐG. Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu và ban hành. 2. Gửi báo cáo TĐG và công văn trong đó có nội dung đã hoàn thành hoạt động TĐG cho cơ quan quản lý trực tiếp để lấy ý kiến. 3. Chỉnh sửa, bổ sung các ý kiến của cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có). 4. Công bố bản báo cáo TĐG đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường). 5. Lưu trữ báo cáo TĐG, các minh chứng và các tài liệu liên quan theo quy định.
04-5/2023	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn. 2. Cập nhật lại báo cáo TĐG (nếu cần) trước khi thực hiện việc đăng ký ĐGN với cơ quan có thẩm quyền.
6-8/2023	Cập nhật, bổ sung hồ sơ TĐG
9/2023	- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện TĐG đến hết tháng 9/2023
10-11/2023	- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện TĐG đến hết tháng 11/2023
12/2023	- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện TĐG đến hết tháng 12/2023
01-3/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện TĐG đến hết tháng 03/2024 - Nộp báo cáo TĐG và hoàn thành minh chứng, chuẩn bị tốt cho công tác đón đoàn ĐGN.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu: Trường có đầy đủ cơ cấu về mặt tổ chức theo quy định của Điều lệ trường trung học, giáo viên dạy các môn học cơ bản và giáo viên chuyên trách dạy các môn năng khiếu được bố trí hợp lý. Các tổ chuyên môn được thành lập và hoạt động có nề nếp, tổ trưởng chuyên môn đều là những giáo viên có kinh nghiệm trong việc điều hành công tác nên hoạt động của tổ chuyên môn là nền tảng thúc đẩy và góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường. Cơ cấu tổ chức bộ máy trong nhà trường thực hiện theo quy định có Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng và Hội đồng trường, Chi bộ Đảng, Công đoàn cơ sở, Đoàn, Đội, Ban đại diện CMHS, hội đồng thi đua khen thưởng, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng... hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trường THCS Phan Bội Châu đã xác định được tầm quan trọng của việc xây dựng chiến lược phát triển của nhà trường, nghiêm túc thực hiện sự chỉ đạo của Phòng GD&ĐT Krông Búk về việc xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2020 và định hướng tầm nhìn đến năm 2025, phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông cấp THCS được quy định tại Luật Giáo dục, phù hợp với các nguồn lực nhà trường, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và được công bố công khai. Công tác quản lý tài chính, tài sản được trường quan tâm đúng mực theo quy định hiện hành. Trong những năm qua, nhờ có kế hoạch cụ thể về đảm bảo an ninh trật tự an toàn cho CB-GV-NV và học sinh nên không xảy ra các hành vi bạo lực học đường, tệ nạn xã hội xâm nhập vào trường học.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có chiến lược phát triển và được phê duyệt bởi các cấp có thẩm quyền; Chiến lược phát triển được công bố công khai phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01];

Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường, *trên trang thông tin điện tử của nhà trường* và có báo cáo lên cấp trên [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

Mức 2:

Nhà trường có giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển; có rà soát, bổ sung, điều chỉnh chiến lược [H1-1.1-04].

Mức 3:

Trong mỗi năm học, nhà trường đều có định kỳ rà soát, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển toàn diện về mọi mặt trong nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng thông qua các cuộc họp chi bộ, họp hội đồng, họp phụ huynh... [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Đã thực hiện đúng yêu cầu trong việc xây dựng và rà soát bổ sung chiến lược phát triển nhà trường kịp thời, khoa học, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương cũng như trong đơn vị.

3. Điểm yếu

Chiến lược thực hiện phát triển vẫn còn một vài chậm trễ do còn thiếu về CSVC, trang thiết bị dạy - học, quỹ đất nhà trường còn hạn hẹp; chưa giảm được tỷ lệ học sinh yếu kém.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tham mưu phát triển CSVC và nâng cao chất lượng dạy - học và mở rộng thêm diện tích khuôn viên nhà trường trong năm học 2023-2024.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường được thành lập và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định hiện hành [H1-1.2-01];

Có kế hoạch hoạt động cụ thể, có rà soát, đánh giá báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của Hiệu trưởng [H1-1.2-02].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường luôn có sự phối hợp hoạt động nhịp nhàng, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng mọi mặt của nhà trường [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H2-1.2-04]; [H2-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Hầu hết các hội đồng đều thể hiện rõ vai trò, nhiệm vụ của mình trong các hoạt động của nhà trường, đóng vai trò tích cực trong công tác tham mưu, quyết định các nội dung công việc quan trọng.

3. Điểm yếu

Hội đồng tư vấn chưa phát huy hết khả năng trong việc tư vấn, tháo gỡ những vướng mắc trong học sinh...

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

GVCN, GVBM cần thường xuyên gần gũi, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của học sinh để cùng kết hợp với Hội đồng tư vấn trong việc giáo dục, nâng cao nhận thức cho các em;

Tổ tư vấn cần chủ động hơn nữa trong công tác tư vấn tâm lý học đường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Chi bộ, Công đoàn và Chi đoàn trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định, thực hiện nhiệm vụ và hoạt động theo các quy định hiện hành, thể hiện được tính dân chủ, công bằng [H3-1.3-01];

Có kế hoạch hoạt động, đánh giá, rà soát và điều chỉnh việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tiễn **[H3-1.3-01]**.

Mức 2:

Có chi bộ độc lập gồm 19 đảng viên, 10 năm liên tục đều đạt Chi bộ HTTNV, trong đó có 08 năm đạt Chi bộ TSVM (2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023) **[H3-1.3-01]; [H5-1.3-06];**

Tổ chức Công đoàn, Chi đoàn và Liên đội có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường, có sự phối kết hợp chặt chẽ trong các hoạt động **[H4-1.3-03]; [H5-1.3-04]; [H5-1.3-05]**.

Mức 3:

Năm học 2023-2024, Chi đoàn gồm 08 đoàn viên GVNV, Liên đội có 529 đội viên **[H5-1.3-04]; [H5-1.3-05];**

Công đoàn hoạt động theo nhiệm kỳ 05 năm, Chi đoàn 01 năm, Liên đội 01 năm. Các hoạt động được tổ chức theo kế hoạch, có rà soát, đánh giá và báo cáo cấp trên; có nhiều đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường như VN, TĐTT, ... Công đoàn, Chi đoàn và Liên đội đều đạt thành tích vững mạnh trong nhiều năm liền (Năm học 2022-2023: Chi đoàn và Liên đội đều đạt Xuất sắc) **[H3-1.3-02]; [H4-1.3-03]; [H5-1.3-04]; [H5-1.3-05]; [H5-1.3-06]**.

2. Điểm mạnh

Các báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường có nội dung đánh giá kết quả cụ thể về hoạt động của các tổ chức; Hàng tháng các bộ phận, các tổ chức báo cáo tự đánh giá, rà soát và xây dựng biện pháp cải tiến nâng cao chất lượng.

3. Điểm yếu

Sự phối hợp giữa các tổ chức đoàn thể trong một số hoạt động còn chưa chặt chẽ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cần linh hoạt trong việc phối hợp hoạt động giữa các tổ chức trong nhà trường. Tổ chức thêm các hoạt động ngoại khóa cho đội viên, đoàn viên.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Có đủ số lượng: 01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng theo quy định **[H6-1.4-01]**;

Có 05 tổ chuyên môn, 01 tổ VP được HT ra quyết định thành lập từ đầu năm học **[H6-1.4-02]**;

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định **[H6-1.4-03]**.

Mức 2:

Trong năm học 2023-2024, mỗi tổ chuyên môn mở được ít nhất 04 chuyên đề (tổng cộng 16 chuyên đề), trong đó đều có ít nhất 02 chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục theo hướng nghiên cứu bài học **[H6-1.4-03]**; **[H8-1.4-06]**;

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đều chủ động xây dựng kế hoạch, phương hướng hoạt động từ đầu năm, đầu học kì, hằng tháng, tuần, có xác nhận của BGH nhà trường. Đồng thời có rà soát, đánh giá thường xuyên và có giải pháp điều chỉnh kịp thời **[H6-1.4-03]**; **[H7-1.4-04]**; **[H8-1.4-07]**.

Mức 3:

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đều đảm bảo sinh hoạt chuyên môn theo điều lệ; chủ động trong nhiều hoạt động và có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường: bồi dưỡng HSG VH, HSG TDTT; văn nghệ; giáo dục đạo đức trong học sinh,... **[H6-1.4-03]**; **[H7-1.4-05]**;

Các tổ bộ môn ngoài việc đảm bảo thực hiện các chuyên đề về chuyên môn có chất lượng còn có các chuyên đề về giáo dục kỹ năng sống nhằm góp phần nâng cao chất lượng toàn diện trong học sinh **[H8-1.4-06]**.

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường đảm bảo số lượng theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, có đầy đủ các quyết định và hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ được ban hành trong quyết định;

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng có năng lực quản lý tốt. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có sự hoạt động hiệu quả, đồng bộ và đã mang lại những hiệu quả thiết thực cho nhà trường qua các cuộc thi, hội thi.

3. Điểm yếu

Nhiệm vụ quản lý tổ chuyên môn còn một vài hạn chế. Chất lượng đại trà chưa được như kỳ vọng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tổ chức hướng dẫn, giúp đỡ, tham mưu PGD mở lớp tập huấn nghiệp vụ quản lý, tăng cường khả năng tự học. Có giải pháp thiết thực nhằm góp phần nâng cao chất lượng đại trà trong năm học 2023-2024.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có đầy đủ các lớp học từ khối lớp 6 đến khối lớp 9 [H9-1.5-01]; [H9-1.5-02]; [H9-1.5-03]; [H10-1.5-07];

Mỗi lớp học có 01 lớp trưởng, 02 lớp phó và được chia thành 04 tổ học sinh, mỗi tổ có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó [H9-1.5-04];

Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ dưới sự quản lý của GVCN lớp, Ban cán sự lớp [H9-1.5-05]; [H9-1.5-06].

Mức 2:

Trường có 14 lớp, thuộc trường hạng II. Số học sinh tối đa trong một lớp là 41 em, tối thiểu là 34 em, bình quân 38 học sinh/lớp [H9-1.5-02].

Mức 3:

Năm học 2023-2024, toàn trường có ba lớp 9 với tổng số học sinh là 124, vì vậy sĩ số học sinh trong một lớp đã vượt so với quy định (không quá 40 học sinh/lớp). Đến thời điểm này còn 121 học sinh nên sĩ số gần đảm bảo [H9-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Đảm bảo số lớp học, số học sinh, theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở; ban cán sự lớp hoạt động hiệu quả, khả năng tự quản tốt.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh/lớp chưa cân đối giữa các khối lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Dự đoán trong những năm học tới, số lượng học sinh có thể sẽ tăng dần, nhưng do đề án cơ cấu lại số lượng học sinh, cũng như GV đứng lớp, vì vậy nhà trường cần có chủ trương kịp thời nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng dạy học, phù hợp với điều kiện thực tế.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Có hệ thống các văn bản quy định về: Quản lý tài chính; Quản lý tài sản; Lưu trữ hồ sơ, chứng từ [\[H10-1.6-01\]](#); [\[H10-1.6-03\]](#);

Có dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định. Có quy chế chi tiêu nội bộ; Có báo cáo công khai tài chính; Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính [\[H10-1.6-02\]](#); [\[H10-1.6-04\]](#); [\[H10-1.6-05\]](#);

Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [\[H10-1.6-05\]](#); [\[H10-1.6-07\]](#); [\[H10-1.6-08\]](#).

Mức 2:

Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường: quản lý tài chính (MiSa); quản lý phần mềm CBGVNV, quản lý Emis; cơ sở dữ liệu ngành; hỗ trợ xếp thời khóa biểu; xử lý công văn trên OMS, iDesk ... [\[H10-1.6-03\]](#);

Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023 được các cấp có thẩm quyền ghi nhận nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán... [\[H10-1.6-05\]](#); [\[H10-1.6-06\]](#); [\[H10-1.6-07\]](#).

Mức 3:

Nhà trường có lập dự thảo về kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương, tranh thủ sự ủng hộ, tài trợ từ quý bậc phụ huynh, các mạnh thường quân nhằm góp phần xây dựng thêm về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động dạy - học trong nhà trường [\[H10-1.6-07\]](#); [\[H10-1.6-08\]](#).

2. Điểm mạnh

Thực hiện tốt việc lập dự toán, thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định. Xây dựng đầy đủ, minh bạch, công khai quy chế chi tiêu nội bộ trong nhà trường. Thực hiện chặt chẽ, minh bạch việc quản lý và sử dụng tài chính, tài sản.

3. Điểm yếu

Do nguồn kinh phí được giao còn hạn hẹp nên nhà trường còn gặp khó khăn trong việc thực hiện các hoạt động giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường cần làm tốt công tác vận động tài trợ để xây dựng cơ sở vật chất, tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học, khen thưởng học sinh giỏi, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn,... ngay từ đầu năm học 2023-2024.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hằng năm thông qua các đợt tập huấn, bồi dưỡng do cấp trên tổ chức [\[H11-1.7-01\]](#);

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường bố trí rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường [\[H11-1.7-02\]](#);

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định: phát huy dân chủ, đảm bảo ngày công, kiêm nhiệm, chế độ lương thưởng, chế độ nghỉ phép hằng năm,... [\[H11-1.7-03\]](#); [\[H11-1.7-04\]](#).

Mức 2:

BGH, Công đoàn nhà trường thường xuyên động viên, quan tâm kịp thời, đảm bảo chế độ cho từng GV, NV khi tham gia vào các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường và các hoạt động [\[H11-1.7-02\]](#); [\[H11-1.7-05\]](#).

2. Điểm mạnh

Thực hiện tốt công tác quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh;

Đảm bảo số lượng giáo viên theo quy định;

CB-GV-NV không ngừng tự học, trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ; nâng cao năng lực cá nhân.

3. Điểm yếu

CBGV được tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Mỗi cán bộ, giáo viên không ngừng nâng cao khả năng tự học, tự trau dồi thêm chuyên môn, nghiệp vụ, nhất là trong giai đoạn hiện nay nhằm đáp ứng nhu cầu giáo dục phổ thông mới.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

BGH thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh theo Điều lệ trường trung học [\[H10-1.5-06\]](#);

Các kế hoạch, nhiệm vụ giáo dục được thể hiện chi tiết qua Báo cáo trong HN CB-CC-VC-NLĐ hằng năm; Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời theo từng thời điểm, từng giai đoạn [\[H12-1.8-01\]](#); [\[H13-1.8-02\]](#); [\[H13-1.8-03\]](#).

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được Phòng GD&ĐT Krông Búk đánh giá đạt hiệu quả [\[H13-1.8-02\]](#); [\[H13-1.8-03\]](#);

Nhà trường có hồ sơ quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định [\[H13-1.8-04\]](#).

2. Điểm mạnh

Thực hiện tốt công tác Quản lý các hoạt động giáo dục, kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

3. Điểm yếu

Chất lượng giáo dục đại trà, chất lượng mũi nhọn học sinh còn thấp so với kế hoạch đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Mỗi CBGV cần có những giải pháp thiết thực, cấp bách nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ngay từ đầu năm học 2023-2024: thực hiện dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định, tiến hành bồi dưỡng học sinh giỏi ở các môn học ngay từ đầu năm học...

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đơn vị đã triển khai, thực hiện Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ; Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2000 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 về Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; Nhà trường xây dựng quy chế làm việc, quy chế dân chủ cơ sở để triển khai, thực hiện các nội dung về dân chủ hóa trường học **[H14-1.9-01]; [H14-1.9-02];**

Đến thời điểm hiện tại không có đơn thư khiếu nại, tố cáo; hằng năm đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở **[H14-1.9-03]; [H14-1.9-04]; [H14-1.9-05].**

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở được Chi bộ, BGH, Ban TTND và cũng như các tổ chức khác đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả **[H14-1.9-04]; [H14-1.9-06].**

2. Điểm mạnh

Dân chủ hóa trong nhà trường luôn được quan tâm đúng mức, tài chính luôn công khai, minh bạch; chế độ của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đảm bảo đầy đủ, kịp thời.

3. Điểm yếu

Còn hạn chế về các ý tưởng, đề xuất, kiến nghị nhằm góp phần xây dựng cho nhà trường ngày càng phát triển.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Các cá nhân, tổ chức cần đề xuất các ý tưởng tích cực, kịp thời phản ánh những sai phạm nếu có.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường chủ động lập kế hoạch, phương án đảm bảo an ninh trật tự, đặc biệt là trong các dịp lễ, Tết: trực bảo vệ, trực tăng cường...; vệ sinh an toàn thực phẩm: tuyên truyền trong nhà trường về các loại thực phẩm, bánh kẹo, nước uống không rõ nguồn gốc...; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ: có kiểm tra và kết luận hàng năm từ cơ quan chức năng; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường: thông qua việc lập kế hoạch mở các chuyên đề... **[H15-1.10-01]; [H8-1.4-06]; [H15-1.10-04]; [H15-1.10-05];**

Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng và tiếp xúc trực tiếp để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; luôn đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường **[H15-1.10-03];**

Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường **[H15-1.10-01]; [H15-1.10-06].**

Mức 2:

Nhà trường có văn bản phối hợp giữa nhà trường với cơ quan công an và cơ quan y tế về đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội thông qua các buổi tuyên truyền, ngoại khóa,... **[H15-1.10-01]; [H15-1.10-02];**

Các tổ chức, cá nhân trong nhà trường có sự phối kết hợp chặt chẽ trong việc thu thập và xử lý các thông tin có dấu hiệu liên quan đến bạo lực học đường, từ đó có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H15-1.10-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt các phương án: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho HS và cho CB, GV, NV; Không xảy ra bạo lực học đường, không có các tệ nạn xã hội trong trường...

3. Điểm yếu

Vẫn còn tình trạng học sinh vi phạm nội quy, nề nếp;

Tình trạng học sinh ăn quà vặt (thực phẩm, nước uống,... không rõ nguồn gốc) trước cổng trường vẫn còn diễn ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy hơn nữa vai trò của GVCN lớp, Tổng phụ trách, Ban nề nếp. Đồng thời phải có sự phối kết hợp với cơ quan chức năng, phụ huynh học sinh trong việc tăng cường công tác giáo dục đạo đức trong học sinh bằng nhiều hình thức.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Nhà trường đã xây dựng được tổ chức bộ máy đảm bảo đủ cơ cấu, hoạt động tích cực gồm: Hội đồng trường, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng tư vấn,... các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, tổ chức Đảng, tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, hội cha mẹ học sinh. Có đủ các khối lớp 6, 7, 8, 9 theo quy định. Hàng năm các tổ chức trong nhà trường đều hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, phát huy tốt vai trò lãnh đạo, điều hành công việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Chiến lược phát triển của nhà trường được xác định rõ ràng bằng văn bản, thể hiện được thực trạng giáo dục của nhà trường, các chỉ tiêu phấn đấu và các giải pháp thực hiện mang tính khả thi. Chiến lược phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định trong Luật giáo dục, phù hợp với tình hình địa phương và các nguồn nhân lực của nhà trường và đã được đánh giá rà soát, bổ sung, điều chỉnh.

BGH nhà trường năng động và có nhiều biện pháp quản lý chỉ đạo hiệu quả, toàn diện mọi hoạt động của trường. Thực hiện tốt chương trình kế hoạch giáo dục; việc dạy thêm - học thêm trong và ngoài nhà trường; bồi dưỡng chuẩn hóa giáo viên; công tác thi đua khen thưởng, đánh giá học sinh; công tác trao đổi thông tin; đảm bảo an ninh trật tự trong trường học... Mọi hoạt động của trường diễn ra an toàn, đạt hiệu quả và góp phần thúc đẩy chất lượng giáo dục trường ngày càng ổn định và phát triển. Tuy nhiên việc rà soát đánh giá, cải tiến công tác quản lý của nhà trường cần thường xuyên và triệt để hơn nữa nhằm huy động mọi tiềm năng trong trường tạo bước chuyển biến mới để nhà trường phát triển ổn định và bền vững hơn.

Kết quả:

- Số lượng các tiêu chí Đạt yêu cầu: 10/10. Trong đó:
 - + Số lượng tiêu chí Đạt mức 1: 10/10
 - + Số lượng tiêu chí Đạt mức 2: 10/10
 - + Số lượng tiêu chí Đạt mức 3: 4/5
- Số lượng các tiêu chí Không đạt yêu cầu: 0.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu: Các năm học vừa qua, cán bộ quản lý của nhà trường được cấp trên bổ nhiệm theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học. Số năm dạy học đúng quy định, hàng năm được đánh giá xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng. Giáo viên và nhân viên thực hiện tốt các hoạt động giáo dục; được đánh giá, xếp loại theo chuẩn hàng năm. Số lượng công chức, viên chức đảm bảo theo quy định; đạt chuẩn và trên chuẩn. Tổng số CB-GV-NV đầu năm học 2023-2024 là 34 người, trong đó có 02 cán bộ quản lý, 26 giáo viên, 06 nhân viên. CB-GV-NV của trường có đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, thường xuyên tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Học sinh đảm bảo đi học đúng độ tuổi theo quy định, chấp hành khá tốt nội quy trường, lớp và được đảm bảo các quyền theo quy định hiện hành.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của Điều lệ trường trung học: Hiệu trưởng: Đảng viên, Trình độ CM: ĐHSP Toán, Trình độ LLCT: Trung cấp, Đạt chuẩn theo TT 29 của Bộ GD&ĐT; Phó Hiệu trưởng: Đảng viên, Trình độ CM: ĐHSP Toán, Trình độ LLCT: Trung cấp **[H16-2.1-01]**;

Hàng năm, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được đánh giá và xếp loại theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường trung học **[H16-2.1-02]**; **[H16-2.1-03]**; **[H16-2.1-04]**;

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục **[H16-2.1-01]**.

Mức 2:

Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng từ mức Khá trở lên **[H16-2.1-01]**; **[H16-2.1-05]**;

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định, có năng lực quản lý tốt, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao [H16-2.1-04]; [H16-2.1-06].

Mức 3:

Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng từ mức Khá trở lên, trong đó có nhiều năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức Tốt [H16-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có đủ năng lực triển khai các hoạt động giáo dục của nhà trường, được sự tín nhiệm cao trong hội đồng sư phạm cũng như sự tin tưởng từ cha mẹ và các em học sinh.

3. Điểm yếu

Khả năng ngoại ngữ của cán bộ quản lý còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng cần tăng cường khả năng tự học, rèn luyện thêm về ngoại ngữ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đảm bảo về số lượng, cơ cấu GV đúng lớp (25 GV, tỷ lệ 1.78 GV/lớp và 01 Tổng phụ trách Đội), có GV chuyên môn ở mỗi bộ môn [H17-2.2-01]; [H17-2.1-02];

100% GV đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định [H17-2.2-02];

100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức Tốt [H17-2.2-03]; [H17-2.2-04].

Mức 2:

Trong những năm gần đây, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H17-2.2-03];

Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023 có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Khá trở lên [H17-2.2-04];

GV được tập huấn và có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học (đạt giải Ba cấp tỉnh năm học 2018-2019, công nhận cấp tỉnh năm học 2022-2023); không có trường hợp GV nào bị kỷ luật [H17-2.2-06]; [H17-2.2-07].

Mức 3:

Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023 có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Khá trở lên, tỷ lệ GV đạt chuẩn nghề nghiệp loại Tốt cao. Trong năm học 2022-2023, có 100% đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức Tốt [H17-2.2-03]; [H17-2.2-04];

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm này, chưa có giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học [H17-2.2-07].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn và thường xuyên được trau dồi chuyên môn nghiệp vụ cũng như khả năng tự học nhằm đáp ứng chương trình giáo dục hiện tại. Đa đa số nhiệt tình, trách nhiệm trong công việc.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số GV chưa phát huy, cống hiến hết sức trẻ, khả năng của bản thân. Khả năng ngoại ngữ, khả năng sử dụng thành thạo CNTT ở một số giáo viên vẫn còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian tới, GV cần không ngừng học hỏi, trau dồi chuyên môn, phát huy khả năng của bản thân. Đồng thời, tăng cường thêm khả năng tự học, tự bồi dưỡng nhằm phấn đấu đạt chuẩn nghề nghiệp GV theo lộ trình.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có số lượng nhân viên được đảm bảo theo quy định (06 NV), được HT phân công công việc phù hợp theo năng lực, chuyên ngành đào tạo [\[H18-2.3-01\]](#); [\[H18-2.3-02\]](#);

Năm học 2022-2023, 100% nhân viên trong tổ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [\[H17-2.2-04\]](#).

Mức 2:

Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định: 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên thiết bị, 01 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên văn thư - thủ quỹ, 01 nhân viên kế toán và 01 nhân viên y tế trường học [\[H18-2.3-01\]](#);

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm này, không có nhân viên bị kỷ luật [\[H17-2.2-04\]](#).

Mức 3:

Đa số nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm, riêng nhân viên kế toán trường học đã có trình độ Đại học, nhân viên thiết bị có trình độ Cao đẳng [\[H18-2.3-01\]](#);

Nhân viên chưa có điều kiện tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm do cấp trên tổ chức [\[H18-2.3-02\]](#).

2. Điểm mạnh

Đảm bảo số lượng nhân viên theo quy định, có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng.

3. Điểm yếu

Khả năng CNTT của một vài đồng chí còn chưa thành thạo. Một số vị trí cần phải được nâng cao trình độ đào tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Mỗi NV cần tăng cường khả năng tự học, trau dồi thêm chuyên môn nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục về mọi mặt (nhân viên văn thư học lên cao đẳng, đại học).

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Công tác tuyển sinh học sinh vào lớp 6 hàng năm được thực hiện đúng quy định, độ tuổi từ 11-13; Học sinh đang theo học từ lớp 6 đến lớp 9 có độ tuổi đúng quy định, không có học sinh học quá tuổi **[H10-1.5-07]**;

Học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quy định về các hành vi HS không được làm theo Điều 34 và Điều 37, Điều lệ trường trung học (TT32/2020) **[H10-1.5-06]**;

Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 35, Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật **[H10-1.5-07]**.

Mức 2:

Trong năm học 2022-2023, không có học sinh vi phạm bị xử lý kỷ luật. GVCN lớp, GVBM, Ban nề nếp, TPT... rất chú tâm đến việc nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời những sai phạm mà các em mắc phải góp công lớn trong việc giáo dục ý thức, tư tưởng, đạo đức cho các em học sinh **[H15-1.10-06]**; **[H19-2.4-01]**.

Mức 3:

Học sinh gặt hái được một số thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường. Tuy nhiên kết quả đạt được vẫn chưa như kỳ vọng mong muốn **[H19-2.4-01]**; **[H19-2.4-02]**; **[H19-2.4-03]**.

2. Điểm mạnh

Công tác tuyển sinh được thực hiện tốt, nhà trường đã ban hành nội quy, quy chế có liên quan đến nhiệm vụ và quyền của học sinh. Đa số học sinh thực hiện tốt các nội quy, quy chế trường, lớp.

3. Điểm yếu

Qua sơ kết HK1 năm học 2023-2024, vẫn còn một số ít học sinh vi phạm nội quy, nề nếp. Tỷ lệ học sinh yếu, kém, chưa đạt vẫn còn cao. Kết quả các cuộc thi, hội thi vẫn chưa đạt như kỳ vọng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường biện pháp GD đạo đức cho học sinh nói chung và học sinh cá biệt nói riêng. Tìm các giải pháp tối ưu nhằm nâng cao chất lượng toàn diện học sinh: tăng cường dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định; tích cực bồi dưỡng học sinh giỏi ở các bộ môn; phối kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với cha mẹ học sinh,...

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đạt các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ GD & ĐT, đảm bảo về trình độ chuyên môn, quản lý và chính trị. 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Đó là nền tảng cho công tác quản lý của nhà trường ngày càng hiệu quả và khoa học. Đội ngũ GV của nhà trường có nhiều đ/c có trình độ chuyên môn vững vàng, kinh nghiệm giảng dạy tốt. Công tác học tập, bồi dưỡng, dự giờ, hội giảng ngày càng được đẩy mạnh và nâng cao. Nhà trường có nhiều hình thức quan tâm động viên GVNV phấn khởi, yên tâm công tác và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Công tác phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường nhìn chung có hiệu quả. Học sinh đi học đúng độ tuổi, phần lớn các em thực hiện nghiêm túc nội quy trường, lớp. Tuy nhiên vẫn còn một số ít học sinh chưa chăm ngoan, còn hay vi phạm nội quy học sinh, quy định của nhà trường; chất lượng các cuộc thi đạt thành tích chưa cao.

Kết quả:

- Số lượng các tiêu chí Đạt yêu cầu: 4/4. Trong đó:
 - + Số lượng tiêu chí Đạt mức 1: 4/4
 - + Số lượng tiêu chí Đạt mức 2: 4/4
 - + Số lượng tiêu chí Đạt mức 3: 1/4
- Số lượng các tiêu chí Không đạt yêu cầu: 0.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường THCS Phan Bội Châu đã làm tốt công tác tham mưu với lãnh đạo các cấp, phát huy được phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm” nên công tác xây dựng, nâng cấp CSVC, trang thiết bị trong trường phần nào đã đáp ứng được yêu cầu và mục tiêu của giáo dục.

Trường có diện tích tổng thể đảm bảo theo quy định, được quy hoạch khoa học, có khuôn viên riêng biệt, tường bao, cổng trường, biển trường và xây dựng được môi trường xanh - sạch - đẹp. Các phòng học đảm bảo đầy đủ ánh sáng thoáng mát, đảm bảo chỗ ngồi cho học sinh, có đủ bàn ghế giáo viên, có bảng từ chống lóa theo đúng quy định, có máy chiếu được trang bị trong một số phòng học.

Khu hiệu bộ có đủ phòng làm việc của Ban giám hiệu và các phòng hành chính. Thư viện của trường đáp ứng phần nào nhu cầu học tập tham khảo của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Trường có đủ thiết bị và đồ dùng dạy học tối thiểu, quản lý sử dụng theo quy định của Bộ GD&ĐT. Khu sân chơi, khu để xe, khu vệ sinh và hệ thống cấp thoát nước theo quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định khác.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất $6m^2$ /học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất $10m^2$ /học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có diện tích khuôn viên: $8282,5m^2/532HS$, có cây xanh, bóng mát, đảm bảo môi trường “Xanh - Sạch - Đẹp” [H20-3.1-01];

Có cổng trường, biển tên trường, có tường rào khép kín [H20-3.1-02]; [H20-3.1-03];

Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu luyện tập thể dục thể thao và đảm bảo an toàn [H20-3.1-04].

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục [H20-3.1-04].

Mức 3:

Trường có diện tích tổng thể đảm bảo theo quy định với $8282,5m^2/532HS$ (bình quân $15,6m^2$ /học sinh), được quy hoạch khoa học, có khuôn viên riêng biệt, tường bao, cổng trường, biển trường và xây dựng được môi trường xanh - sạch - đẹp. Diện tích sân chơi, bãi tập là khoảng $2900m^2 \sim 35\%$ tổng diện tích sử dụng của trường [H20-3.1-01]; [H20-3.1-02]; [H20-3.1-03]; [H20-3.1-04].

2. Điểm mạnh

Diện tích, khuôn viên và môi trường sư phạm đảm bảo.

3. Điểm yếu

Mặt bằng sân chơi, bãi tập thiếu đồng nhất.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tăng cường biện pháp quản lý nhằm đảm bảo an toàn hơn nữa cho các em trong học tập, vui chơi. Tiếp tục tham mưu các cấp chính quyền để xin thêm quỹ đất bên phân hiệu Mẫu giáo Hoàng Anh nhằm mở rộng diện tích sân tập luyện.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Phòng học có đủ bàn ghế học sinh và giáo viên theo quy định, mỗi phòng học có 01 bảng chống lóa, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày [H20-3.2-01]; [H20-3.2-02];

Có phòng học bộ môn được trang bị theo quy định gồm: phòng học bộ môn Vật Lý; phòng học bộ môn Hóa học, Sinh học; phòng học bộ môn Tin học; phòng học bộ môn Tiếng Anh; phòng học bộ môn Nghệ thuật [H20-3.2-03]; [H20-3.2-05];

Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống [H20-3.2-04].

Mức 2:

Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H20-3.2-02]; [H20-3.2-03];

Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định: phòng thiết bị dạy học có đủ thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập; phòng thư viện có hệ thống máy tính kết nối internet; nhà đa chức năng, sân chơi, bãi tập đảm bảo yêu cầu cho công tác giáo dục thể chất [H20-3.2-05].

Mức 3:

Phòng học, phòng học bộ môn chưa có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt [H20-3.2-01]; [H3-3-01-02]; [H20-3.2-05].

2. Điểm mạnh

Trường có tương đối đầy đủ phòng học, phòng bộ môn, bàn ghế, trang thiết bị tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập.

3. Điểm yếu

Chưa có đủ các thiết bị dạy học theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tích cực tham mưu, vận động tài trợ nhằm tăng cường xây dựng CSVC, trang thiết bị dạy - học; Tổ bộ môn, giáo viên tăng cường làm thêm đồ dụng dạy học...

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;
- b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;
- c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có khu hành chính - quản trị riêng được xây dựng kiên cố, đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường [H21-3.3-01];

Có khu để xe riêng cho giáo viên, riêng cho học sinh từng lớp trong khuôn viên nhà trường, đảm bảo trật tự, an toàn [H21-3.3-02];

Có các thiết bị tối thiểu, các loại máy văn phòng và đã kết nối Internet đầy đủ nhằm phục vụ tốt cho công tác quản lý và giảng dạy, định kỳ có sửa chữa, bổ sung [H21-3.3-03].

Mức 2:

Khu hành chính - quản trị đảm bảo an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H21-3.3-01]; [H21-3.4-01].

Mức 3:

Khu hành chính - quản trị có tương đối các thiết bị tối thiểu phục vụ chung, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường [H21-3.3-01].

2. Điểm mạnh

BGH nhà trường quan tâm đầu tư phát triển về trang thiết bị dạy học hằng năm trong nguồn chi thường xuyên của đơn vị, đồng thời tích cực tham mưu cấp trên và vận động đóng góp tự nguyện (tài trợ) để tăng cường CSVC cho trường, lớp.

3. Điểm yếu

Một số máy móc, thiết bị phục vụ cho khối hành chính - quản trị đang xuống cấp, cần tu sửa, thay thế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường cần cân đối ngân sách hợp lý trong việc sửa chữa, bổ sung các thiết bị, máy móc phục vụ cho khối hành chính - quản trị (máy photocopy...)

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [\[H21-3.4-01\]](#); [\[H21-3.4-02\]](#);

Hiện nay nhà trường có 02 nước giếng đào, 01 giếng khoan cung cấp nước sinh hoạt cho GV và HS, có hệ thống lọc nước và được thay lõi lọc hàng năm, đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [\[H21-3.4-02\]](#); [\[H21-3.4-03\]](#); [\[H21-3.4-06\]](#);

Có hệ thống thoát nước, thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường [\[H21-3.4-03\]](#); [\[H21-3.4-04\]](#).

Mức 2:

Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định [\[H21-3.4-01\]](#); [\[H21-3.4-02\]](#);

Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [\[H21-3.4-03\]](#); [\[H21-3.4-04\]](#); [\[H21-3.4-05\]](#).

2. Điểm mạnh

Nhà trường chăm lo phát triển, giữ gìn hệ thống lọc nước, thoát nước, thu gom rác.

3. Điểm yếu

Nhà vệ sinh học sinh và phòng vệ sinh trong nhà đa chức năng đang xuống cấp, khó đưa vào sử dụng (đối với nhà đa chức năng).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Sửa chữa, cải tạo và mở rộng thêm nhà vệ sinh học sinh; tu sửa phòng vệ sinh trong nhà đa chức năng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường [H22-3.5-03]; [H22-3.5-04]; [H22-3.5-05];

Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định [H22-3.5-03];

Hằng năm thực hiện kiểm kê, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học [H22-3.5-01]; [H22-3.5-03].

Mức 2:

100% máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H22-3.5-02];

Có đủ thiết bị dạy học theo quy định [H22-3.5-03];

Giáo viên có sử dụng TB dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và HT trong các giờ lên lớp; Giáo viên tự làm một số đồ dùng dạy học [H22-3.5-02].

Mức 3:

Nhà trường chưa có đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả tại các phòng thực hành, phòng bộ môn [H22-3.5-02]; [H22-3.5-03]; [H22-3.5-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đầu tư TBDH hàng năm, GV tham gia phong trào tự làm và sử dụng đồ dùng dạy học.

3. Điểm yếu

Một số thiết bị hư hỏng, xuống cấp; phong trào tự làm ĐDDH còn hạn chế. Một số giáo viên chưa thực sự tích cực trong việc sử dụng TB dạy học tối thiểu phục vụ tiết dạy hàng ngày.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đề xuất cấp trên cấp bổ sung thêm TBDH; phát động phong trào làm và sử dụng ĐDDH hiện có trong GV.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện trường định kì được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường **[H22-3.6-01]; [H22-3.6-03]; [H22-3.6-04];**

Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, giáo viên, nhân viên, học sinh **[H22-3.6-02];**

Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo **[H22-3.6-04].**

Mức 2:

Máy tính của thư viện có kết nối internet và có website đáp ứng yêu cầu dạy, học và quản lý. Thư viện của nhà trường bước đầu đạt Thư viện trường học đạt chuẩn **[H22-3.6-05].**

Mức 3:

Thư viện của nhà trường chưa đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Đã có hệ thống máy tính kết nối internet nhưng số lượng máy còn khiêm tốn **[H22-3.6-05]; [H22-3.6-06].**

2. Điểm mạnh

Ban giám hiệu nhà trường quan tâm đầu tư phát triển cho công tác thư viện.

3. Điểm yếu

Hệ thống tài liệu, sách tham khảo, tạp chí... còn hạn chế, số lượng còn ít, chưa phong phú về nội dung, thể loại.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu xây dựng và phân đầu tư thư viện đạt chuẩn để hỗ trợ tốt hơn cho công tác dạy - học trong thời gian tới.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Trường đảm bảo về mặt diện tích theo quy định, được quy hoạch tương đối khoa học, đảm bảo xanh - sạch - đẹp tạo môi trường giáo dục an toàn, thân thiện. Có đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học theo danh mục đồ dùng dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GD&ĐT. Bên cạnh đó trường vẫn còn thiếu phòng bộ môn, một số hạng mục xuống cấp. Thư viện nhà trường đang bước đầu đạt chuẩn. Vì vậy trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục làm tốt công tác tham mưu với cấp có thẩm quyền, chính quyền địa phương, tận dụng tối đa sự đóng góp tự nguyện, tài trợ của cá nhân, tập thể để tăng cường xây dựng cơ sở vật chất nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, giảng dạy và học tập.

Kết quả:

- Số lượng các tiêu chí Đạt yêu cầu: 6/6

+ Số lượng tiêu chí Đạt mức 1: 6/6

+ Số lượng tiêu chí Đạt mức 2: 6/6

+ Số lượng tiêu chí Đạt mức 3: 1/5

- Số lượng các tiêu chí Không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu: Trong những năm học qua, trường THCS Phan Bội Châu đã xây dựng tốt mối quan hệ phối kết hợp giữa nhà trường - gia đình và xã hội. Từ đó, trường đã nhận được sự quan tâm của các cấp, các ngành, đoàn thể và các tổ chức xã hội trong việc quản lý, giáo dục học sinh. Ban đại diện CMHS được hoạt động và tổ chức theo đúng Điều lệ Ban đại diện CMHS do Bộ GD&ĐT ban hành, là tổ chức hỗ trợ đắc lực cho trường trong hoạt động khuyến học, khuyến tài. Các tổ chức trong và ngoài trường học đã phối hợp tốt với trường trong việc tổ chức, thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng đạo đức, chất lượng giáo dục toàn diện trong trường học cũng như đầu tư CSVC ngày một khang trang đáp ứng được yêu cầu dạy và học.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ban đại diện CMHS được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh vào đầu mỗi năm học [H23-4.1-01]; [H23-4.1-02];

Chủ động tham mưu và lập kế hoạch hoạt động theo năm học [H23-4.1-03];

Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ, thể hiện được vai trò, trách nhiệm [H23-4.1-03].

Mức 2:

Ban đại diện CMHS có sự phối kết hợp hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, cùng tham gia vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp [H23-4.1-02]; [H23-4.1-03]; [H23-4.1-04]; [H23-4.1-05].

Mức 3:

Ban đại diện CMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H23-4.1-02]; [H23-4.2-01].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS nhiệt tình, có sự phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục con em, có sự cảm thông và sẻ chia với những khó khăn mà nhà trường đã và đang gặp phải.

3. Điểm yếu

Một vài PH chưa thật sự phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc giáo dục đạo đức cho con em.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban đại diện CMHS cần có sự phối kết hợp hài hòa, đồng bộ. PH cần quan tâm nhiều hơn đến con em.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

BGH chủ động tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường [H23-4.2-01];

Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường [H23-4.2-01];

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện, theo quy định để xây dựng cơ sở vật chất; Khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc khác; Hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H23-4.2-01]; [H23-4.1-01]; [H23-4.1-02].

Mức 2:

BGH chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.1-04];

Có quy chế phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh cho học sinh [H23-4.2-01].

Mức 3:

BGH chủ động tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân từng bước xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H1-1.1-02]; [H23-4.2-02].

2. Điểm mạnh

Công tác tham mưu và vận động đóng góp tự nguyện (tài trợ) để tăng cường CSVC cho trường, lớp có hiệu quả.

3. Điểm yếu

Địa phương (xã) không có nguồn kinh phí hỗ trợ cho nhà trường về phát triển CSVC.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

BGH tiếp tục tham mưu cho địa phương về giải pháp đầu tư cho sự phát triển nhà trường trong những năm tới.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ tích cực, hiệu quả giữa các lực lượng giáo dục, giữa các tổ chức đoàn thể, nhân dân địa phương, đặc biệt là Ban đại diện CMHS, tạo điều kiện cho sự phát triển của nhà trường. Sự tham gia và phối kết hợp khăng khít chặt chẽ với gia đình phụ huynh trong việc giáo dục HS đã giúp nhà trường nâng cao chất lượng GD. Tuy nhiên sự quan tâm, giáo dục ý thức học tập của một số gia đình đối với học sinh chưa tốt.

Kết quả:

- Số lượng các tiêu chí Đạt yêu cầu: 2/2

+ Số lượng tiêu chí Đạt mức 1: 2/2

+ Số lượng tiêu chí Đạt mức 2: 2/2

+ Số lượng tiêu chí Đạt mức 3: 2/2

- Số lượng các tiêu chí Không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu: Nhà trường thực hiện nghiêm túc kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT. Các nhiệm vụ năm học được thông qua tại Hội nghị CB-CC-VC-NLĐ hằng năm, đề ra nhiều giải pháp, biện pháp tích cực để đẩy mạnh công tác giảng dạy, chú trọng đổi mới phương pháp dạy học nhằm khuyến khích sự chuyên cần, tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh. Đẩy mạnh công tác duy trì sĩ số, phổ cập giáo dục, phân loại học sinh để có hướng bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, thực hiện đúng nội dung giáo dục địa phương.

Để nâng cao chất lượng hai mặt giáo dục, hàng năm trường luôn chú trọng việc tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, khuyến khích sự tham gia chủ động, tự giác của học sinh kết hợp với việc giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống, từ đó hình thành cho học sinh ý thức tham gia giữ gìn vệ sinh, môi trường... công tác hỗ trợ giáo dục như các hoạt động NGLL, hoạt động trải nghiệm, hoạt động đoàn thể xã hội...

Kết quả đánh giá, xếp loại học lực, hạnh kiểm; về hoạt động giáo dục nghề phổ thông và hoạt động giáo dục hướng nghiệp của học sinh trong trường phần nào đáp ứng được mục tiêu giáo dục đã đề ra.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có kế hoạch hoạt động chuyên môn từng năm học, học kỳ, tháng, tuần; đảm bảo theo đúng KHDH ở từng môn học [H13-1.8-02]; [H13-1.8-03]; [H24-5.1-01]; [H24-5.1-02]; [H24-5.1-03];

GV vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H24-5.1-04];

Đề kiểm tra được dựa trên chuẩn kiến thức kỹ năng, thành lập ma trận, đảm bảo yêu cầu cần đạt, phù hợp với đối tượng học sinh; có phê duyệt của tổ trưởng, chuyên môn [H24-5.1-01].

Mức 2:

Trong năm học 2022-2023 và năm học 2023 - 2024 (cho đến thời điểm này), 100% GV thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh; có tích hợp, giảm tải nội dung theo quy định hiện hành [H24-5.1-03];

Hàng năm, GVBM đều phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, giúp đỡ học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện [H24-5.1-06]; [H25-5.2-01].

Mức 3:

Định kỳ có rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H24-5.1-04]; [H24-5.1-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch dạy học của Bộ GD&ĐT, các quy định về chuyên môn của PGD. Hàng tháng, hàng kỳ tổ chức tự rà soát đánh giá và có kế hoạch cải tiến chất lượng.

3. Điểm yếu

Một số GV chưa vận dụng tốt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức các hoạt động dạy học theo yêu cầu mới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

GV cần tăng cường trau dồi thêm chuyên môn, nâng cao tay nghề, dự giờ đồng nghiệp để học tập thêm kinh nghiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm nhà trường đều có kế hoạch và tiến hành bồi dưỡng HSG VH, HSG TDTT **[H24-5.1-06]**;

Thực hiện các chế độ miễn giảm qua việc DTHT trong nhà trường; trao quà cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, thuộc diện gia đình chính sách có sự nỗ lực vươn lên trong học tập, rèn luyện **[H23-4.1-04]**; **[H10-1.6-05]**;

Hằng năm đều có rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện **[H24-5.2-01]**; **[H24-5.2-02]**.

Mức 2:

Nhiều em có hoàn cảnh khó khăn đã vượt khó, vươn lên để đạt được nhiều kết quả khả quan trong học tập, rèn luyện, đạt danh hiệu HSTT, HSG... **[H23-4.1-04]**.

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường có học sinh giỏi năng khiếu về các môn học, tham gia dự thi và đạt nhiều giải ở cấp huyện **[H26-5.6-03]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch dạy học, bồi dưỡng; đảm bảo đầy đủ các chế độ cho học sinh; động viên, khuyến khích kịp thời, chu đáo.

3. Điểm yếu

Nguồn kinh phí vận động từ các nhà hảo tâm, mạnh thường quân để trao quà cho các em còn hạn hẹp; nhiều em chưa có ý chí phấn đấu vượt qua khó khăn để vươn lên trong học tập, rèn luyện. Tỷ lệ học sinh đạt giải cấp tỉnh chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức cho các em; tranh thủ mọi sự ủng hộ, tài trợ; phong trào kế hoạch nhỏ trong Liên đội,... Thành lập các CLB TDTT,...

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tiếp tục thực hiện Công văn số 662/UBND-KGVX ngày 15/01/2018 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 71/KH-SGDĐT ngày 25/12/2107 của Sở GDĐT về việc tổ chức triển khai sử dụng bộ Tài liệu dạy - học địa phương tỉnh Đắk Lắk kể từ năm học 2017-2018 ở các môn *Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Âm nhạc và tiếng Anh*; (Quyết định Số 588/QĐ-SGDĐT ngày 08/8/2018) [\[H25-5.3-01\]](#); [\[H25-5.3-02\]](#);

Nhà trường thực hiện KT, đánh giá các nội dung GD địa phương theo quy định của Bộ GD&ĐT [\[H25-5.3-01\]](#); [\[H25-5.3-02\]](#);

Mỗi năm học, nhà trường rà soát, ĐG, cập nhật tài liệu, điều chỉnh nội dung GD địa phương. Tiếp tục triển khai và thực hiện Nội dung Giáo dục địa phương cho các em học sinh lớp 6, 7, 8 [\[H25-5.3-02\]](#); [\[H25-5.3-04\]](#).

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn [\[H25-5.3-03\]](#).

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc nội dung giáo dục địa phương.

3. Điểm yếu

Việc tiếp cận tài liệu của GV gặp không ít khó khăn trong những năm trước; số lượng tài liệu được HS mua còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

GV cần tìm hiểu thêm thông tin địa phương qua mạng Internet để phục vụ dạy học. Nhà trường, GV tiếp tục bám sát Quyết định Số 588/QĐ-SGDĐT ngày 08/8/2018, để triển khai và thực hiện nghiêm túc. GVBM cung cấp kịp thời Tài liệu nội dung Giáo dục địa phương dưới dạng pdf cho học sinh lớp 8 (khi chưa có SGK).

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;
- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có kế hoạch và tổ chức dạy Hướng nghiệp cho học sinh lớp 9; chú trọng chỉ đạo, tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo ở các bộ môn theo quy định dưới sự hướng dẫn của GVBM và sự tham gia của tất cả CB-GV-NV trong toàn trường **[H25-5.4-01]; [H25-5.4-02];**

Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm (trừ môn Thể dục), hướng nghiệp theo kế hoạch chuyên môn từ đầu năm **[H25-5.4-01]; [H25-5.4-02];**

Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm (trừ môn GDTC), hướng nghiệp. **[H11-1.7-02].**

Mức 2:

Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực được thể hiện qua các bộ môn **[H25-5.4-02]; [H25-5.4-04];**

Có rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong các cuộc họp HĐ, họp CM... **[H12-1.8-01]; [H13-1.8-02].**

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định; học sinh hăng hái tham gia.

3. Điểm yếu

Nhiều em nhà xa trường nên việc tập trung nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao gặp không ít trở ngại; địa phương chưa có mô hình trải nghiệm thực tế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

GVBM, GVCN cần có biện pháp quản lý chặt chẽ hoạt động của các em học sinh trong các đợt tổ chức hoạt động trải nghiệm, các buổi ngoại khóa...

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyên biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Từ đầu mỗi năm học, CM đã triển khai, có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương **[H25-5.5-01];**

GVBM, GVCN rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyên biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục **[H25-5.5-02]; [H25-5.5-03];**

Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam **[H26-5.6-01].**

Mức 2:

GVBM, GVCN tổ chức hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện **[H25-5.5-02]; [H25-5.5-03];**

Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển. Kỹ năng sống được các em vận dụng tương đối linh hoạt vào cuộc sống **[H25-5.5-04]; [H26-5.6-01].**

Mức 3:

Có nhóm học sinh tiến hành nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của GV, tuy nhiên số lượng học sinh tham gia nghiên cứu rất khiêm tốn **[H17-2.2 -05]; [H25-5.5-04]; [H25-5.5-05].**

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường có triển khai các chuyên đề GDKNS theo hướng dẫn của Bộ. Thực hiện tốt việc lồng ghép giáo dục kỹ năng sống trong các bộ môn, các buổi ngoại khóa đã mang lại hiệu ứng tích cực, tăng tỷ lệ HS có hạnh kiểm từ Khá trở lên.

3. Điểm yếu

Một bộ phận học sinh đang còn thiếu về kỹ năng sống, ít hiểu biết xã hội, môi trường xung quanh. Gia đình chưa có sự quan tâm thấu đáo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường cần tăng cường thêm các buổi ngoại khóa; thầy cô, CMHS cần gần gũi, quan tâm hơn, giúp các em tháo gỡ những vướng mắc trong học tập, cuộc sống.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thống kê kết quả về học lực và hạnh kiểm cuối năm học 2022-2023 và Học kì I (năm học 2023-2024) so với các năm học gần đây như sau:

TT	Các chỉ tiêu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024 (HK I)
1	Học lực cuối năm học từ Tb (Đ) trở lên	89,97%	90,63%	91,22%	88,85%	85,99%	79,95%
-	Học lực Giỏi+Xuất sắc (Tốt)	11,48%	11,75%	10,78%	9,94%	10,17%	7,18%
-	Học lực Khá	36,95%	34,66%	40,32%	36,11%	33,01%	28,54%
-	Học lực Trung bình (Đ)	41,54%	44,22%	40,12%	42,80%	42,80%	44,23%
2	Hạnh kiểm Tốt, Khá (KQ rèn luyện Tốt, Khá)	99,37%	99,01%	99,80%	100%	99,62%	99,62%
-	Hạnh kiểm Tốt	72,86%	75,70%	75,85%	81,14%	73,90%	71,83%
-	Hạnh kiểm Khá	26,51%	23,31%	23,95%	18,86%	25,72%	27,79%
3	Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng và lên lớp sau thi lại	96,67%	98,33%	98,22%	98,42%	96,16%	-
-	Lên lớp thẳng	89,97%	90,63%	91,22%	88,85%	85,99%	-
-	Lên lớp sau thi lại	6,7%	7,7%	7,0%	9,57%	10,17%	-
4	Tỷ lệ học sinh lưu ban	3,1%	1,6%	1,8%	1,58%	2,30%	-
5	Đậu tốt nghiệp THCS đạt	98,9%	100%	97,3%	100%	97%	-
6	Duy trì sỹ số	99,7%	99,41%	99,99%	99,59%	99,62%	
7	Học sinh giỏi môn văn hóa, qua internet	26	31	29		33	55
-	Học sinh giỏi môn văn hóa lớp 8	Không t/c	07	07	-	-	03
-	Học sinh Giỏi môn văn hóa 9, cấp huyện/HS dự thi	13	10	14	50% (9/18)	08	14
-	Học sinh Giỏi môn văn hóa 9, 01 tỉnh		Hoãn	01	1 Hoãn	-	Chưa
-	Đấu trường Toán học VioEdu cấp huyện				06	04	Chưa
-	Học sinh giỏi Ioe cấp huyện/học sinh dự thi	Không t/c	Không t/c	7-0	0%	18	38
8	HKPD hoặc HSG Thẻ dực cấp huyện (nếu có tổ chức)	12	14	Không t/c	Không t/c	03	20
9	Đạt giải cấp tỉnh Khoa học kỹ thuật, Sáng tạo TTN	01	-	-	-	-	-

Trong năm học 2022-2023:

Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H26-5.6-01]; [H26-5.6-03]; [H26-5.6-04];

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H26-5.6-01]; [H26-5.6-02];

Nhà trường có định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch [H26-5.6-05]; [H26-5.6-06].

Mức 2:

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh trong năm học 2022-2023 có chuyển biến trong 05 năm liên tiếp [H26-5.6-01];

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp [H26-5.6-01]; [H26-5.6-02].

Mức 3

Đảm bảo về tỷ lệ học sinh có HL giỏi, khá, Tb; HK khá, tốt. Tuy nhiên, tỷ lệ HS có học lực Yếu còn cao [H26-5.6-01]; [H26-5.6-04];

Tỷ lệ học sinh bỏ học 0,38% (<01%) và lưu ban 2,3% (>02%) [H26-5.6-04].

2. Điểm mạnh

Kết quả xếp loại hạnh kiểm tăng, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ học sinh yếu - kém còn cao, chưa đạt như mong muốn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

GV cần tăng cường các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đại trà, phụ đạo học sinh yếu kém. Phụ huynh học sinh cũng như các em phải chăm lo, quan tâm đến việc học nhiều hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Trong những năm học vừa qua, BGH nhà trường đã chỉ đạo thực hiện chương trình giáo dục và các hoạt động giáo dục theo đúng quy định. Với các hoạt động ngoại khóa, hoạt động vui chơi, các hội thi VN, TDTT, HKPD, ... đã được tổ chức hàng năm thực sự đã thu hút HS tham gia một cách hào hứng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Tuy nhiên chất lượng giáo dục vẫn đang còn thấp, chưa đáp ứng được mong mỏi của các cấp lãnh đạo, BGH, thầy cô và CMHS.

- Số lượng các tiêu chí Đạt yêu cầu: **6/6**. Trong đó:

+ Số lượng tiêu chí Đạt mức 1: 6/6

+ Số lượng tiêu chí Đạt mức 2: 6/6

+ Số lượng tiêu chí Đạt mức 3: 3/4

- Số lượng các tiêu chí Không đạt yêu cầu: 0

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Trong kế hoạch giáo dục của nhà trường chủ yếu thực hiện theo chương trình giáo dục của Bộ GD & ĐT, chưa đưa được nội dung tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới [H13-1.8-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai và thực hiện song song cả hai chương trình GDPT 2006 và 2018, có kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện nhà trường, đổi mới trong công tác giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu

Việc áp dụng các nội dung tham khảo của các chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực chưa được thực hiện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kế hoạch giáo dục của nhà trường trong những năm tiếp theo có thể sẽ cố gắng đưa vào một số nội dung phù hợp với điều kiện thực tiễn tại đơn vị khi được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá: **Không đạt**

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Hằng năm, nhà trường luôn quan tâm và hỗ trợ kịp thời đến những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi trong điều kiện cho phép đối với các học sinh có năng khiếu. Tuy nhiên chưa đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan [H23-4.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn chú tâm trong xây dựng kế hoạch giáo dục cũng như tranh thủ các nguồn kinh phí từ các mạnh thường quân nhằm đảm bảo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục.

3. Điểm yếu

Chưa đảm bảo 100% học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tham mưu, đầu tư cơ sở vật chất và nguồn lực đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

5. Tự đánh giá: **Không đạt**

Tiêu chí 3: Nhà trường đóng tại địa bàn vùng thuận lợi có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 5 năm, nhà trường luôn có sự chủ động và đầu tư trong việc khuyến khích học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn và có sản phẩm được cấp thẩm quyền ghi nhận [H25-5.5-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có học sinh tham gia thi khoa học kỹ thuật các cấp và trong đó có đạt giải KHKT cấp tỉnh (năm học 2018-2019).

3. Điểm yếu

Việc vận động học sinh tham gia thi KHKT chưa thành phong trào sâu rộng, số lượng học sinh tham gia thấp, kết quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

GV cần có sự chủ động và định hướng phù hợp để tạo điều kiện cho các em tham gia nghiên cứu khoa học với niềm đam mê và sáng tạo sâu sắc. Đồng thời, cần có thêm sự đầu tư cơ sở vật chất cũng như nguồn lực để việc tổ chức học sinh tham gia các cuộc thi sáng tạo, KHKT được dễ dàng và thu hút.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 4: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Thư viện nhà trường tuy đã có hệ thống máy tính có kết nối Internet nhưng số lượng còn khiêm tốn; chưa có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế; chưa có hệ thống Internet băng thông rộng và mạng không dây đáp ứng yêu cầu hoạt động của nhà trường; chưa có nguồn tài liệu số phục vụ các hoạt động dạy và học [H22-3.6-06].

2. Điểm mạnh

Có hệ thống máy tính có kết nối Internet, có nguồn tài liệu truyền thống đáp ứng một phần yêu cầu các hoạt động nhà trường.

3. Điểm yếu

Hệ thống thiết bị và nguồn lực chưa đảm bảo để phát triển.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục tham mưu đầu tư cơ sở vật chất và nguồn lực đảm bảo xây dựng hệ thống thư viện nhà trường hiện đại, phù hợp với các nước trong khu vực và quốc tế.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành hầu hết các các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá trường đã tích cực thực hiện các kế hoạch đã đề ra. Cuối mỗi năm, mỗi kì đều có đánh giá, rà soát thực hiện tìm ra các điểm mạnh để phát huy và khắc phục các điểm yếu.

3. Điểm yếu

Chất lượng đại trà, chất lượng mũi nhọn không tăng đáng kể qua các năm, cơ sở vật chất đầu tư cho chiến lược phát triển chưa hoàn thiện, cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chú trọng và càng nâng cao chất lượng dạy học, đầu tư CSVC và các nguồn lực nhằm hoàn thành 100% mục tiêu đề ra.

5. Tự đánh giá: **Không đạt**

Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có những kết quả nhất định về các hoạt động giáo dục cũng như các hoạt động khác, được cấp trên ghi nhận. Tuy nhiên chưa thể hiện sự vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng [H2-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Trong 05 năm liên tiếp nhà trường đã đạt nhiều thành tích trong các hoạt động được cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

3. Điểm yếu

So với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng thì chưa có sự vượt trội hơn hẳn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Xây dựng các kế hoạch phù hợp với thực tiễn giáo dục của nhà trường. Đầu tư có hiệu quả hơn trong các hoạt động phong trào.

5. Tự đánh giá: **Không đạt**

Kết luận Mức 4: Trong những năm qua, với việc thực hiện cùng lúc hai chương trình GDPT, nhà trường đã đề ra những chiến lược, kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tiễn của đơn vị, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, kết quả đạt được vẫn còn khiêm tốn, chưa thể đáp ứng được kỳ vọng của thầy cô, học sinh cũng như phụ huynh. Đồng thời, với tiêu chuẩn ngày càng cao nhằm phát triển giáo dục một cách toàn diện, nhà trường cần có định hướng, kế hoạch chiến lược về con người, cơ sở vật chất, trang thiết bị để phù hợp với tình hình chung và đáp ứng yêu cầu đổi mới.

- Số lượng các tiêu chí **Đạt yêu cầu: 0/6**

- Số lượng các tiêu chí **Không đạt yêu cầu: 6/6**

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Qua quá trình tự đánh giá, đối chiếu với các tiêu chí, nhà trường tự nhận thấy các tiêu chuẩn có những hiện trạng cơ bản như sau:

Nhà trường đã xây dựng được tổ chức bộ máy đảm bảo đủ cơ cấu, hoạt động tích cực. Hàng năm các tổ chức trong Nhà trường đều hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, phát huy tốt vai trò lãnh đạo, điều hành công việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Chiến lược phát triển của nhà trường được xác định rõ ràng phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định trong Luật giáo dục, phù hợp với tình hình địa phương và các nguồn nhân lực của nhà trường và đã được đánh giá rà soát, bổ sung, điều chỉnh.

BGH nhà trường năng động và có nhiều biện pháp quản lý chỉ đạo hiệu quả, toàn diện mọi hoạt động của trường. Thực hiện tốt chương trình kế hoạch giáo dục; việc dạy thêm - học thêm trong và ngoài nhà trường; bồi dưỡng chuẩn hóa giáo viên; công tác thi đua khen thưởng, đánh giá học sinh; công tác trao đổi thông tin; đảm bảo an ninh trật tự trong trường học... Mọi hoạt động của trường diễn ra an toàn, đạt hiệu quả và góp phần thúc đẩy chất lượng giáo dục trường ngày càng ổn định và phát triển. Tuy nhiên việc rà soát đánh giá, cải tiến công tác quản lý của nhà trường cần thường xuyên và triệt để hơn nữa nhằm huy động mọi tiềm năng trong trường tạo bước chuyển biến mới để nhà trường phát triển ổn định và bền vững hơn.

Kết quả:

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt: 28/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt: 0/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%;

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt: 28/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt: 0/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%;

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt: 11/20 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 55%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt: 9/20 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 45%;

- Mức 4: Không đạt

- + Số lượng tiêu chí đạt: 0/6 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt: 6/6 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;

- Mức đánh giá của trường: **Mức 2**

Trường THCS Phan Bội Châu đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Chữ Kéo, ngày 22 tháng 3 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Văn Khiêm

PHỤ LỤC IV
BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Nhiệm vụ
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường					
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường					
1	[H1-1.1-01]	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Chư Kbo NK 2020-2025, nghị HĐND xã về định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của ngành.	Số 01-NQ/ĐU ngày 01/7/2020.	Đảng ủy xã Chư Kbo	Dur, Hồng
2	[H1-1.1-02]	Văn bản phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	Chiến lược xây dựng phát triển nhà trường giai đoạn 2016-2020 và 2020-2025.	Nhà trường	Dur, Vinh
3	[H1-1.1-03]	Đường dẫn truy cập vào trang điện tử của trường có đăng tải nội dung chiến lược.	http://thcs-phanboichau-daklak.edu.vn/	Nhà trường	HVinh, Cán
4	[H1-1.1-04]	Biên bản đánh giá kết quả GD đạt được, so sánh với bản phương hướng chiến lược để điều chỉnh cho năm học kế tiếp.	Báo cáo tổng kết từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023.	Nhà trường	Dur
5	[H1-1.1-05]	Các văn bản đánh giá của Sở GD&ĐT, Phòng Giáo dục, cụm thi đua về việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển nhà trường trong giai đoạn 2016-2020 và 2020-2025.	- Hồ sơ đánh giá của các đoàn kiểm tra. - Hồ sơ cụm thi đua các năm.	Sở GD và ĐT, Phòng GD và ĐT, Cụm thi đua	Dur, Hồng, Vinh
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác					
1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường; Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật; Quyết định thành lập Hội đồng chấm SKKN, Hội đồng kỳ thi phát hiện HSG hàng năm, Tổ tư vấn tâm lý cho HS....	- Số 3767QĐ-UBND ngày 26/10/2022 thành lập Hội đồng trường. - Các QĐ thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật, Hội đồng chấm SKKN, Hội đồng kỳ thi phát hiện HSG, Hội đồng chấm thi GVG, tổ tư vấn tâm lý... từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	- UBND huyện Krông Búk - Hiệu trưởng - Hiệu trưởng	Dur, Hồng, Vinh
2	[H1-1.2-02]	Kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường; Kế hoạch hoạt động của các HĐ khác.	- Kế hoạch của HĐ trường từ năm học 2018-2019 - Kế hoạch Hội đồng kỳ thi phát hiện HSG, Hội đồng chấm thi GVG, tổ tư vấn tâm lý hàng năm.	- Hội đồng trường - Nhà trường	Dur, Hồng, Vinh
3	[H1-1.2-03]	Quy chế hoạt động của Hội đồng trường.	Quy chế hoạt động của HĐ trường từ năm học 2018-2019	Hội đồng trường	Hồng

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Nhiệm vụ
4	[H2-1.2-04]	Biên bản họp của HĐ trường và của các HĐ khác.	- Sổ ghi biên bản các cuộc họp Hội đồng trường từ từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024 - Sổ ghi Biên bản họp Liên tịch, họp Hội đồng thi đua từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	- Hội đồng trường - Nhà trường	Hồng, Vinh
5	[H2-1.2-05]	Kết quả thi đua khen thưởng của trường	Kết quả thi đua từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024	UBND huyện	Hồng
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường					
1	[H3-1.3-01]	Quyết định thành lập tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam của nhà trường; (Quyết định chuẩn y) Nghị quyết của chi bộ.	- Số 99/QĐ/ĐU ngày 26/9/2017 chuẩn y kết quả bầu cử Chi ủy Chi bộ Trường THCS Phan Bội Châu, nhiệm kỳ 2017-2020 - Số 205-QĐ/ĐU ngày 16/4/2020 chuẩn y kết quả bầu Bí thư, Chi ủy viên Chi bộ Trường THCS Phan Bội Châu, nhiệm kỳ 2020-2022 - Số 128-QĐ/ĐU ngày 22/9/2022 chuẩn y kết quả bầu Chi ủy, BT, Phó BT Chi bộ Trường THCS Phan Bội Châu, nhiệm kỳ 2022-2025 - Nghị quyết của chi bộ từ năm 2017-2023.	- Đảng ủy xã Chư Kbo - Chi bộ Trường PBC	Dur, Hồng
2	[H3-1.3-02]	Quyết định chuẩn y BCH Công đoàn cơ sở; Quyết định chuẩn y BCH Chi đoàn; Quyết định thành lập Chi hội Khuyến học.	- Quyết định số: 21/QĐ-LĐLĐ huyện ngày 02 tháng 4 năm 2017 về việc công nhận BCH CĐCS nhiệm kỳ 2017-2022 và Quyết định số 11/QĐ-LĐLĐ huyện ngày 21 tháng 03 năm 2023 về việc công nhận BCH CĐCS nhiệm kỳ 2023-2028 - Quyết định số 13/QĐ-ĐX ngày 10/10/2018 về chiệc chuẩn y BCH Chi đoàn Trường THCS Phan Bội Châu năm học 2018-2019 - Quyết định số 28/QĐ-ĐX ngày 01/10/2019 về chiệc chuẩn y BCH Chi đoàn Trường THCS Phan Bội Châu năm học 2019-2020 - Quyết định số 56/QĐ-ĐX ngày 12/10/2020 về chiệc chuẩn y BCH Chi đoàn Trường THCS Phan Bội Châu năm học 2020-2021 - Quyết định số 69/QĐ-ĐX ngày 29/10/2021 về chiệc chuẩn y BCH Chi đoàn Trường THCS Phan Bội Châu năm học 2021-2022 - Quyết định số 07/QĐ-ĐX ngày 20/10/2022 về chiệc chuẩn y BCH Chi đoàn Trường THCS Phan Bội Châu năm học 2022-2023	- Liên đoàn LĐ huyện - BCH Đoàn xã Chư Kbo	Dur, Sáng, Càn

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Nhiệm vụ
			- QĐ số 14a/QĐ-PBC ngày 14/9/2020		
3	[H4-1.3-03]	Hồ sơ hoạt động của Công đoàn (tất cả các loại hồ sơ theo quy định của Liên Đoàn lao động và Liên đoàn GD Việt Nam)	Hồ sơ Công đoàn từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	BCH CĐ	Sáng
4	[H5-1.3-04]	Hồ sơ hoạt động của Đoàn TN, Chi hội Khuyến học.	Hồ sơ Đoàn TN, Chi hội Khuyến học từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	BCH Chi đoàn, Chi hội Khuyến học	Dur, Cản
5	[H5-1.3-05]	Hồ sơ hoạt động của Đội TN.	Hồ sơ Đội TN từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	Đội TN	HVĩnh
6	[H5-1.3-06]	Giấy chứng nhận, giấy khen tổ chức Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ; Kết quả xếp loại Chi bộ, Đảng viên từ năm 2017 đến 2023	Chứng nhận Chi bộ trong sạch vững mạnh hàng năm, Giấy khen Chi bộ các năm từ 2017 đến 2023; kết quả xếp loại đảng viên từ 2017 đến 2023.	Đảng ủy xã và chi bộ	Dur, Hồng
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng					
1	[H6-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng. Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng.	- Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của UBND huyện về bổ nhiệm lại chức vụ đối với Hiệu trưởng - Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND huyện về bổ nhiệm lại chức vụ đối với Phó Hiệu trưởng	UBND huyện Krông Búk	Vinh
2	[H6-1.4-02]	Quyết định thành lập các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng.	Quyết định thành lập các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng được ban hành hàng năm theo biên chế năm học.	Hiệu trưởng	Vinh
3	[H6-1.4-03]	Kế hoạch hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng. Hồ sơ chuyên môn.	- Kế hoạch hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024 - Hồ sơ chuyên môn từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	Phó Hiệu trưởng và Tổ trưởng CM	Dur, Yên, Thùy
4	[H7-1.4-04]	- Quy định đánh giá, xếp loại viên chức của đơn vị - Quy định đánh giá xếp loại Chi đội hàng năm	Được xây dựng từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024	Hiệu trưởng Công đoàn Đ/c Hồng, Đ/c HVĩnh	Hồng, HVĩnh
5	[H7-1.4-05]	Kết quả các hội thi, cuộc thi của giáo viên từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	Danh sách giáo viên được công nhận GVDG, GVCN lớp giỏi, cuộc thi ATGT, văn nghệ, từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	Sở, Phòng GD&ĐT, Hiệu trưởng và TKHĐ	Dur, Hồng
6	[H8-1.4-06]	Các chuyên đề của tổ chuyên môn	- Kế hoạch tổ chức chuyên đề từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024	Phó Hiệu trưởng CM và các tổ CM	Dur
7	[H8-1.4-07]	Sổ Nghị quyết các tổ chuyên môn.	Sổ nghị quyết của các tổ chuyên môn từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024	Các tổ CM	Hồng, Vinh

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Nhiệm vụ
Tiêu chí 1.5: Lớp học					
1	[H9-1.5-01]	Sổ đăng bộ.	Lưu trữ và cập nhật hàng năm.	TKHĐ	Hồng
2	[H9-1.5-02]	Bảng thống kê số liệu lớp học, học sinh, danh sách học sinh theo từng lớp.	Từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	Phó Hiệu trưởng	Dư
3	[H9-1.5-03]	Sổ gọi tên, ghi điểm.	Lưu trữ bằng bản giấy hàng năm và trong hệ thống máy tính, VN.Edu từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	Dư
4	[H9-1.5-04]	Sổ chủ nhiệm.	Lưu trữ từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	GVCN/TKHĐ, Phó hiệu trưởng	Dư
5	[H9-1.5-05]	Biên bản Đại hội chi đội, liên đội.	Lưu trữ trong hồ sơ Đội TN từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024	TPT Đội: Đ/c Hồng, Đ/c HVĩnh	Hồng, HVĩnh
6	[H10-1.5-06]	Nội quy học sinh, biểu điểm thi đua của Đội, Quy định xếp loại chi đội	Đội TN thực hiện từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024	TPT Đội: Đ/c Hồng, Đ/c HVĩnh	HVĩnh
7	[H10-1.5-07]	Hồ sơ tuyển sinh các năm.	Từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Vinh
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản					
1	[H10-1.6-01]	Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến; Sổ cấp phát văn bằng chứng chỉ.	Hồ sơ lưu trữ hằng năm.	Văn thư và Thư viện	Loan
2	[H10-1.6-02]	Quy chế chi tiêu nội bộ của trường.	Lưu trữ bằng văn bản từ năm 2017 – 2023	Hiệu trưởng, Kế toán	Yến, Loan
3	[H10-1.6-03]	Phần mềm quản lý quản lý hành chính, tài chính và tài sản của trường.	Phần mềm Misa, QLTS.vn, QL tiền lương, QLCBCCVC.	Kế toán	Yến, Cân
4	[H10-1.6-04]	Sổ quản lý tài chính.	Lưu trữ từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	Kế toán	Yến, Loan
5	[H10-1.6-05]	Biên bản kiểm kê tài sản hàng năm, Quyết định thành lập ban kiểm kê tài sản,	Biên bản kiểm kê tài sản từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023.	Kế toán, TKHĐ, TV-TB	Yến, Thùy
6	[H10-1.6-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết về công tác tài chính; báo cáo công khai tài chính hằng năm.	Báo cáo sơ kết, tổng kết về công tác tài chính; báo cáo công khai tài chính hằng năm được lưu trữ bằng văn bản.	Kế toán	Yến, Loan
7	[H10-1.6-07]	Biên bản, thông báo, kết luận của các cấp có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến tài sản, tài chính.	Biên bản thanh tra tài chính trường	Thanh tra Kế toán	Yến, Thùy, Loan

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Nhiệm vụ
8	[H10-1.6-08]	Hồ sơ chứng minh nguồn tài chính đã huy động được. Bảng tổng hợp nguồn XHH GD hàng năm; bảng tổng hợp thu – chi nguồn XHH GD	Hồ sơ huy động xã hội hóa sửa chữa nhỏ hàng năm	Hiệu trưởng Kế toán	Yến, Thủy, Loan
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên					
1	[H11-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hàng năm.	Kế hoạch và tổng hợp kết quả BDTX của CB,GV từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng	Dư, Hồng, Vinh
2	[H11-1.7-02]	Quyết định phân công nhiệm vụ CBQL, viên chức và Quyết định phân công giảng dạy kèm theo bảng phân công nhiệm vụ hàng năm.	Bảng phân công nhiệm vụ cho CBGVNV và bảng phân công giảng dạy, chủ nhiệm lớp cho GV từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024	Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng	Dư
3	[H11-1.7-03]	Quy chế làm việc của nhà trường	Được ban hành từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Thủy
4	[H11-1.7-04]	Biên bản Hội nghị VC hàng năm	Biên bản Hội nghị VC từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	Thư ký hội đồng: Đ/c Vinh, Đ/c Hồng	Hồng, Vinh
5	[H11-1.7-05]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ.	Hồ sơ kiểm tra nội bộ: kiểm tra, đánh giá GV, NV từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	Hiệu trưởng Phó Hiệu trưởng	Dư
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục					
1	[H12-1.8-01]	Sở nghị quyết của nhà trường các năm.	Sở nghị quyết nhà trường từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	Thư ký HĐ	Hồng
2	[H13-1.8-02]	Sở nghị quyết chuyên môn và Kế hoạch chuyên môn năm học, Kế hoạch học kỳ hàng năm (năm, kỳ, tháng, tuần)	Từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	Phó hiệu trưởng.	Dư, Hồng
3	[H13-1.8-03]	Kế hoạch giáo dục nhà trường và kế hoạch năm học của nhà trường (năm, kỳ, tháng, tuần)	Kế hoạch giáo dục từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Dư
4	[H13-1.8-04]	Hồ sơ quản lý dạy thêm, học thêm; tổ chức dạy thêm.	Kế hoạch, QĐ thành lập ban chỉ đạo, Kiểm tra, hồ sơ quản lý từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng và Kế toán	Dư, Thủy
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở					
1	[H14-1.9-01]	Quy chế dân chủ của nhà trường.	Quy chế dân chủ trong nhà trường từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	Nhà trường và BCH Công đoàn	Sáng
2	[H14-1.9-02]	Nghị quyết Hội nghị viên chức hàng năm.	Nghị quyết Hội nghị VC từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	Hiệu trưởng, TKHĐ	Hồng
3	[H14-1.9-03]	Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân.	Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân từ năm học 2018-2019 đến	Công đoàn,	Sáng

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Nhiệm vụ
			2023-2024. Kế hoạch Quý, báo cáo Quý từ 2018-2019 đến 2023-2024	Ban TTrND	
4	[H14-1.9-04]	Báo cáo việc thực hiện Quy chế dân chủ của nhà trường.	Báo cáo về việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023.	Nhà trường và BCH Công đoàn	Sáng
5	[H14-1.9-05]	Báo cáo hoạt động của Công đoàn nhà trường.	Được lưu trữ từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023	BCH Công đoàn	Sáng
6	[H14-1.9-06]	Đánh giá hoạt động, triển khai Kế hoạch	Báo cáo hoạt động một số tháng, báo cáo tổng kết.	Hiệu trưởng	Thủy
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học					
1	[H15-1.10-01]	Các kế hoạch triển khai thực hiện ANTT, ATGT, phòng chống bạo lực học đường, tệ nạn xã hội.	Hồ sơ lưu trữ từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024	Hiệu trưởng, Văn thư, TKHĐ	Thủy, Cấn
2	[H15-1.10-02]	Văn bản phối hợp với Công an có nội dung liên quan.	Văn bản phối hợp với Công an xã Chứ Kô	Hiệu trưởng, Văn thư	Thủy
3	[H15-1.10-03]	Hòm thư góp ý của nhà trường, Phiếu Điều em muốn nói..	Đặt tại hiên phía trước phòng Nghệ thuật	Phó Hiệu trưởng, TPT Đội	HVĩnh, Cấn
4	[H15-1.10-04]	Hồ sơ tuyên truyền, giáo dục ý thức học sinh đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh.	Các nội dung tuyên truyền giáo dục về ANTT, ATTH... lưu trữ từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	BGH, TPT Đội, Y tế học đường	HVĩnh, Thủy
5	[H15-1.10-05]	Hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh.	Lưu trữ lưu trữ từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024	Y tế học đường	Thủy
6	[H15-1.10-06]	Biên bản giáo dục HS vi phạm về an ninh trật tự, an toàn trường học.	Lưu trữ hồ sơ lưu trữ từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	TPT Đội: Đ/c HVĩnh, Đ/c Hồng	HVĩnh
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh					
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng					
1	[H16-2.1-01]	Các loại bằng cấp, chứng chỉ về chuyên môn, quản lý, chính trị, tin học, ngoại ngữ, ... của HT, PHT.	Lưu trữ trong hồ sơ Viên chức cá nhân HT,PHT.	Hiệu trưởng, Văn thư	Vĩnh
2	[H16-2.1-02]	Hồ sơ đánh giá xếp loại chuẩn HT; Phó HT.	Lưu trữ từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	Phòng GD, Hiệu trưởng	Vĩnh
3	[H16-2.1-03]	Hồ sơ đánh giá xếp loại viên chức HT, Phó HT.	Lưu trữ từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	PGD, Hiệu trưởng	Vĩnh
4	[H16-2.1-04]	Bảng tổng hợp ý kiến của GV, NV góp ý về đánh giá VC, chuẩn HT, PHT.	Lưu biên bản góp ý HT,PHT của GV, NV về đánh giá VC, đánh giá Chuẩn HT, PHT từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	Hiệu trưởng Thư ký hội đồng	Vĩnh

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Nhiệm vụ
5	[H16-2.1-05]	Hồ sơ thi đua.	Lưu trữ đăng kí, biên bản họp xét và tổng hợp kết quả thi đua, đề xuất khen thưởng từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023	Hiệu trưởng	Hồng
6	[H16-2.1-06]	Bảng khen, giấy khen của HT, PHT.	Các loại BK, GK, CSTĐ CS của HT	UBND, cấp trên	Vinh
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên					
1	[H17-2.2-01]	Quyết định phân công dạy học, kiêm nhiệm chủ nhiệm lớp cùng với Bảng phân công chuyên môn của trường.	Lưu trữ bằng văn bản các Bảng phân công CM từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	PHT Chuyên môn	Dư
2	[H17-2.2-02]	Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo.	Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo được cập nhật và lưu trữ.	Hiệu trưởng Kế toán	Yến
3	[H17-2.2-03]	Hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp .	Lưu trữ hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023	Hiệu trưởng	Vinh
4	[H17-2.2-04]	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại GV hàng năm theo chuẩn nghề nghiệp và đánh giá xếp loại viên chức.	Lưu trữ bảng tổng hợp kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023.	Hiệu trưởng	Vinh
5	[H17-2.2-05]	Hồ sơ thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi, dự thi KHKT, KQ KHKT.	Lưu trữ hồ sơ thực hiện từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023.	Phó hiệu trưởng	Dư
6	[H17-2.2-06]	Hồ sơ hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.	Lưu trữ hồ sơ thực hiện từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	HVinh
7	[H17-2.2-07]	Kết quả nghiên cứu khoa học của giáo viên.	Lưu trữ kết quả SKKN đạt cấp trường, cấp huyện của GV hàng năm theo năm học.	UBND huyện, Phòng GD, BCHCĐ	Hồng
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên					
1	[H18-2.3-01]	Danh sách nhân viên có thông tin về trình độ đào tạo.	Danh sách nhân viên có thông tin về trình độ đào tạo được cập nhật và lưu trữ từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	Hiệu trưởng, Kế toán	Yến
2	[H18-2.3-02]	Chứng chỉ, chứng nhận nhân viên đã qua lớp BD, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc kết quả học tập tại các lớp BD, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ; hoặc chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Lưu trữ trong hồ sơ Viên chức của từng cá nhân	Hiệu trưởng	Thùy
3	[H18-2.3-03]	Bảng khen, Giấy khen của các nhân.	Lưu trữ trong hồ sơ cá nhân.	UBND huyện, Phòng Giáo dục	Thùy
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh					
1	[H19-2.4-01]	Bảng tổng hợp các thành tích về học tập, rèn luyện của học sinh.	Bảng tổng hợp các thành tích về học tập, rèn luyện của học sinh lưu trữ bằng VB từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023.	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Dư

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Nhiệm vụ
2	[H19-2.4-02]	Hồ sơ khen thưởng học sinh đạt thành tích trong các cuộc thi cấp trường, cấp huyện, cấp tỉnh.	Lưu trữ từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	Phó hiệu trưởng	Dur
3	[H19-2.4-03]	Hồ sơ tổ chức các hoạt động phong trào.	Lưu trữ từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	HT, Đội TN	HVĩnh

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

1	[H20-3.1-01]	Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất.	Số: CT00526. Ký hiệu: BA 717179	Sở TN&MT Đắk Lắk	Cân
2	[H20-3.1-02]	Các tư liệu, hình ảnh về khuôn viên trường.	Hình ảnh chụp về khuôn viên trường.	Thư ký hội đồng, Văn thư, TPT Đội	Cân
3	[H20-3.1-03]	Các tư liệu, hình ảnh về cổng trường, biển tên trường và tường rào bao quanh.	Hình ảnh về cổng trường, biển tên trường và tường rào bao quanh.	Phó hiệu trưởng, TKHĐ, Văn thư	Cân
4	[H20-3.1-04]	Các tư liệu, hình ảnh về khu sân chơi, bãi tập.	Hình ảnh chụp về khu sân chơi, bãi tập.	Phó hiệu trưởng	Cân

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

1	[H20-3.2-01]	Sổ quản lý tài sản, thiết bị.	Sổ quản lý tài sản, thiết bị được lưu trữ nhiều năm.	Kế toán, NV Thiết bị	Cân
2	[H20-3.2-02]	Các tư liệu, hình ảnh về phòng học, bàn ghế học sinh và trang trí trong phòng học.	Hình ảnh về phòng học, bàn ghế học sinh và trang trí trong phòng học.	Phó hiệu trưởng, đ/c Cân và TKHĐ	Cân
3	[H20-3.2-03]	Các tư liệu, hình ảnh về phòng học bộ môn.	Hình ảnh về phòng học bộ môn.	Phó hiệu trưởng, đ/c Cân và TKHĐ	Cân
4	[H20-3.2-04]	Các tư liệu, hình ảnh về phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.	Hình ảnh chụp về phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.	Phó hiệu trưởng, đ/c HVĩnh và TKHĐ	Sáng, HVĩnh, Cân
5	[H20-3.2-05]	Các tư liệu, hình ảnh có liên quan về khối phục vụ học tập.	Hình ảnh về các tư liệu, hình ảnh có liên quan về khối phục vụ học tập;	Phó hiệu trưởng, đ/c Cân và TKHĐ	Cân

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

1	[H21-3.3-01]	Các tư liệu, hình ảnh về khối hành chính - quản trị (Hội trường, phòng HT, PHT, KT-VT, y tế, Công đoàn, hội đồng).	Lưu trữ hình ảnh về khối hành chính - quản trị (Hội trường, phòng HT, PHT, KT-VT, y tế, Công đoàn, hội đồng).	Phó hiệu trưởng, đ/c Cân và TKHĐ	Cân, Thủy
2	[H21-3.3-02]	Các tư liệu, hình ảnh về khu để xe của CBGVNV và HS.	Lưu trữ hình ảnh về khu để xe của CBGVNV và HS.	Phó hiệu trưởng, đ/c Cân và TKHĐ	Cân, Thủy
3	[H21-3.3-03]	Sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị	Hồ sơ sơn, sửa, chống thấm Sa nô nhà hành chính.	HT, KT, NVTB	Yến

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Nhiệm vụ
1	[H21-3.4-01]	Hình ảnh về các khu vệ sinh của giáo viên và học sinh.	Lưu trữ hình ảnh về các khu vệ sinh của giáo viên và học sinh.	Phó hiệu trưởng, đ/c Cân và TKHĐ	Cân
2	[H21-3.4-02]	Hồ sơ thiết kế xây dựng các công trình vệ sinh.	Lưu trữ Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình vệ sinh HS.	Hiệu trưởng, Kế toán	Cân
3	[H21-3.4-03]	Hình ảnh hệ thống xử lý và cung cấp nước sạch để uống và sinh hoạt.	Lưu trữ hình ảnh về hệ thống cung cấp nước sạch để uống và sinh hoạt.	Phó hiệu trưởng và Y tế học đường	Cân, Thủy
4	[H21-3.4-04]	Hình ảnh về phương thức thu gom và xử lý rác thải của trường.	Lưu trữ hình ảnh về phương thức thu gom rác thải của trường.	Phó hiệu trưởng và Y tế học đường	Thủy
5	[H21-3.4-05]	Giấy kiểm định nguồn nước sạch. Hình ảnh về giếng nước, nguồn nước	Hình ảnh, văn bản	Y tế học đường	Thủy
6	[H21-3.4-06]	Hóa đơn thanh toán tiền điện, nước hàng tháng.	Lưu trữ các Hóa đơn thanh toán tiền điện, nước hàng tháng.	Kế toán	Yến
Tiêu chí 3.5: Thiết bị					
1	[H22-3.5-01]	Kế hoạch sử dụng thiết bị, kế hoạch năm công tác thiết bị Các loại Kế hoạch liên quan đến công tác thiết bị hàng năm Báo cáo: Tổng kết năm, sơ kết, báo cáo tháng	Hồ sơ từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024	NV Thiết bị	Cân
2	[H22-3.5-02]	Hồ sơ theo dõi sử dụng đồ dùng, thiết bị.	Lưu trữ bảng danh mục các TBDH, phiếu nhập kho các TBDH mua bổ sung hàng năm, biên bản kiểm kê TBDH hàng năm.	NV Thiết bị	Cân
3	[H22-3.5-03]	Thống kê danh mục thiết bị, đồ dùng của nhà trường.	Bảng Thống kê danh mục đồ dùng dạy học.	NV Thiết bị	Cân
10	[H22-3.5-04]	Hồ sơ kiểm kê đồ dùng, thiết bị hàng năm.	Lưu trữ hồ sơ kiểm kê đồ dùng, thiết bị hàng năm.	NV Thiết bị	Cân
11	[H22-3.5-05]	Hóa đơn, hợp đồng mua, sửa chữa đồ dùng thiết bị dạy học hàng năm.	Lưu trữ hóa đơn, hợp đồng mua, sửa chữa đồ dùng thiết bị dạy học hàng năm.	Kế toán	Cân
Tiêu chí 3.6: Thư viện					
1	[H22-3.6-01]	Kế hoạch hoạt động thư viện. Các loại Kế hoạch liên quan đến công tác thư viện hàng năm Báo cáo: Tổng kết năm, sơ kết, báo cáo tháng	Hồ sơ từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023	NV Thư viện	Cân
2	[H22-3.6-02]	Hồ sơ theo dõi hoạt động thư viện.	Kế hoạch mua sắm bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa, sách tham khảo hàng năm.	NV Thư viện	Cân
3	[H22-3.6-03]	Thống kê danh mục SGK, tài liệu tham khảo.	Lưu trữ bảng danh mục SGK, sách tham khảo, phiếu nhập kho	NV Thư viện	Cân

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Nhiệm vụ
			các SGK, sách tham khảo mua bổ sung hàng năm.		
4	[H22-3.6-04]	Hồ sơ kiểm kê thư viện các năm.	Lưu trữ biên bản kiểm kê thư viện hằng năm.	NV Thư viện	Cân
5	[H22-3.6-05]	Hồ sơ đánh giá kiểm tra thư viện.	Lưu trữ biên bản kiểm tra thư viện hằng năm.	NV Thư viện	Cân
6	[H22-3.6-06]	Hồ sơ đề nghị công nhận thư viện đạt chuẩn.	Tờ trình, Báo cáo liên quan	NV Thư viện	Cân

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

1	[H23-4.1-01]	Biên bản họp toàn thể CMHS theo lớp.	Lưu trữ biên bản từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024.	Hiệu trưởng	HVịnh
		Biên bản họp ban đại diện CMHS của lớp họp với GVCN lớp trước khi họp giữa năm, cuối năm	Lưu trữ biên bản từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024.	GVCN lớp, TKHĐ	HVịnh
2	[H23-4.1-02]	Biên bản họp Ban ĐDCMHS nhà trường	Lưu trữ biên bản từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024.	Hội CMHS nhà trường, Hiệu trưởng, Kế toán	Hồng
3	[H23-4.1-03]	Kế hoạch-Báo cáo hoạt động của Ban ĐDCMHS.	Lưu trữ Kế hoạch, báo cáo hoạt động của Ban ĐDCMHS từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024.	Hội CMHS nhà trường, Hiệu trưởng, Kế toán	Hồng
4	[H23-4.1-04]	Hồ sơ khen thưởng, tặng quà cho HS từ BDD CMHS vận động	Hồ sơ khen thưởng, tặng quà cho HS có hoàn cảnh khó khăn từ năm học 2018 -2019 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng, Kế toán	Yến
5	[H23-4.1-05]	Các văn bản, tư liệu, hình ảnh có liên quan.	Các hình ảnh Hội nghị BDDCMHS hàng năm, hình ảnh các tổ chức, cá nhân trao tặng quà, tiền cho HS từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023- 2024.	Thư ký hội đồng	Hồng

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

1	[H23-4.2-01]	Các kế hoạch - báo cáo của các tổ chức của nhà trường về công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh.	Các kế hoạch - báo cáo của nhà trường về công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024.	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Liên Đội	Dur, Sáng
2	[H23-4.2-02]	Giấy chứng nhận cơ quan đạt cơ quan văn hóa.	Giấy chứng nhận cơ quan đạt cơ quan văn hóa từ năm học 2017-2018 đến năm học 2022-2023.	UBND huyện, tỉnh Hiệu trưởng	Sáng

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Nhiệm vụ
1	[H24-5.1-01]	Kế hoạch giáo dục của giáo viên, Kế hoạch dạy học và Kế hoạch BDGDTX cá nhân	Lưu trữ kế hoạch từ 2018-2019 đến 2023-2024.	Phó Hiệu trưởng, giáo viên	Dur
2	[H24-5.1-02]	Sổ Ghi đầu bài	Lưu trữ từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024.	GV các tổ CM	Dur
3	[H24-5.1-03]	Biên bản rà soát đánh giá việc thực hiện chương trình.	Lưu trữ Biên bản rà soát đánh giá việc thực hiện chương trình từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024.	Phó hiệu trưởng	Dur
4	[H24-5.1-04]	Kế hoạch đổi mới phương pháp dạy học.	Lưu trữ kế hoạch từ 2018-2019 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Dur
5	[H24-5.1-05]	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá – Lưu đề kiểm tra.	Lưu trữ kế hoạch và đề kiểm tra từ 2018-2019 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Dur
6	[H24-5.1-06]	Kế hoạch Bồi dưỡng học sinh giỏi.	Lưu trữ kế hoạch từ 2018-2019 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Dur
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện					
1	[H24-5.2-01]	Hồ sơ giáo dục học sinh dân tộc. Kết quả cụ thể của những HSDT thiếu số, thống kê KQ xếp loại	Lưu trữ từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024.	Phó hiệu trưởng	Dur
2	[H24-5.2-02]	Hồ sơ tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục cho học sinh có năng khiếu.	Lưu trữ từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Dur
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định					
1	[H25-5.3-01]	Kế hoạch giáo dục của giáo viên.	Kế hoạch giảng dạy giáo dục địa phương từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024.	Phó Hiệu trưởng	Hồng
2	[H25-5.3-02]	Phân phối chương trình các môn có nội dung giáo dục địa phương;	Có Kế hoạch giảng dạy giáo dục địa phương cho học sinh của nhà trường cụ thể theo từng môn học	Phó Hiệu trưởng, GV	Dur
3	[H25-5.3-03]	Đề kiểm tra các môn và sản phẩm các hoạt động lồng ghép nội dung chương trình địa phương.	Lưu trữ từ 2018-2019 đến 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	Dur
4	[H25-5.3-04]	Giáo án giảng dạy nội dung giáo dục địa phương của giáo viên; Tài liệu tuyên truyền về địa phương.	Giáo án giảng dạy nội dung giáo dục địa phương từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024.	Giáo viên, Phó Hiệu trưởng	HVĩnh
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp					
1	[H25-5.4-01]	Kế hoạch giảng dạy hướng nghiệp của nhà trường.	Lưu trữ Kế hoạch từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024.	Phó Hiệu trưởng	Dur
2	[H25-5.4-02]	Kế hoạch tổ chức các nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường.	Kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường, của Đoàn – Đội từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024.	Phó Hiệu trưởng	HVĩnh
3	[H25-5.4-03]	Kế hoạch dạy nghề PT.	Hồ sơ dạy nghề PT từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-	Phó Hiệu trưởng	Dur

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Nhiệm vụ
			2024 (Hợp đồng, danh sách học sinh, danh sách phòng thi,)		
4	[H25-5.4-04]	Các tư liệu, hình ảnh có liên quan đến tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường.	Các tư liệu, hình ảnh có liên quan đến tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường.	Phó Hiệu trưởng, TPT Đội và TKHĐ	Hồng, HVĩnh
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh					
1	[H25-5.5-01]	Kế hoạch tổ chức các kỹ năng sống cho học sinh.	Lưu trữ từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng, Thư ký hội đồng	Dur, Thủy
2	[H25-5.5-02]	Giáo án dạy KNS, chuyên đề dạy GDKN sống	Lưu trữ từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024.	TKHĐ	Dur, HVĩnh
3	[H25-5.5-03]	Hồ sơ tổ chức các hoạt động giáo dục KNS.	Lưu trữ từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	HVĩnh
4	[H25-5.5-04]	Thành tích của học sinh trường trong các cuộc thi nghiên cứu khoa học, công nghệ, ứng dụng KHKT.	Lưu trữ kết quả thành tích đạt được của học sinh trường trong các cuộc thi nghiên cứu KHKT cấp trường, cấp huyện từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	Dur
5	[H25-5.5-05]	Các hình ảnh, tư liệu liên quan.	Các hình ảnh, tư liệu liên quan về cuộc thi nghiên cứu KHKT cấp trường, cấp huyện, hoạt động kỹ năng sống..	Phó Hiệu trưởng và Đ/c Vinh	Vinh
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục					
1	[H26 -5.6-01]	Bảng thống kê xếp loại 2 mặt HL và HK của học sinh trường trong từng năm và học kỳ I, đóng thành tập theo năm học	Lưu trữ văn bản Bảng thống kê xếp loại 2 mặt HL và HK của học sinh từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024.	Phó hiệu trưởng và Văn thư	Dur, Cân
2	[H26-5.6-02]	Hồ sơ công nhận TNTHCS được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện phê duyệt.	Lưu trữ hồ sơ tốt nghiệp THCS từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023.	Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng	Dur
3	[H26 -5.6-03]	Hồ sơ thi đua khen thưởng từng năm.	Lưu trữ từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023.	Hiệu trưởng	Hồng
4	[H26-5.6-04]	Hồ sơ theo dõi học sinh lưu ban, bỏ học.	Hồ sơ theo dõi học sinh lưu ban, bỏ học hàng năm	Phó hiệu trưởng	Dur, HVĩnh
5	[H26 -5.6-05]	Thống kê số lượng và tỉ lệ học sinh thi đỗ vào trường chuyên, trường có chất lượng cao từng năm .	Thống kê số lượng và tỉ lệ học sinh thi đỗ vào trường chuyên, trường có chất lượng cao từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023.	Phó hiệu trưởng	Dur
6	[H26 -5.6-06]	Bảng thống kê học sinh lớp 9 sau phân luồng (tuyển sinh lớp 10, học nghề).	Thống kê từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023.	Phó hiệu trưởng	Dur

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Nhiệm vụ
Tiêu chí Mức 4 (Minh chứng đã có ở các Tiêu chuẩn khác)					
Tiêu chí 1	[H13-1.8-03]	Kế hoạch giáo dục nhà trường và kế hoạch năm học của nhà trường (năm, kỳ, tháng, tuần)	Kế hoạch giáo dục từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Dur
Tiêu chí 2	[H23-4.1-04]	Hồ sơ khen thưởng, tặng quà cho HS từ BDD CMHS vận động	Hồ sơ khen thưởng, tặng quà cho HS có hoàn cảnh khó khăn từ năm học 2018 -2019 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng, Kế toán	Yến
Tiêu chí 3	[H25-5.5-04]	Thành tích của học sinh trường trong các cuộc thi nghiên cứu khoa học, công nghệ, ứng dụng KHKT.	Lưu trữ kết quả thành tích đạt được của học sinh trường trong các cuộc thi nghiên cứu KHKT cấp trường, cấp huyện từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	Dur
Tiêu chí 4	[H22-3.6-06]	Hồ sơ đề nghị công nhận thư viện đạt chuẩn.	Tờ trình, Báo cáo liên quan	NV Thư viện	Cân
Tiêu chí 5	[H1-1.1-02]	Văn bản phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	Chiến lược xây dựng phát triển nhà trường giai đoạn 2016-2020 và 2020-2025.	Nhà trường	Dur, Vinh
	[H1-1.1-04]	Biên bản đánh giá kết quả GD đạt được, so sánh với bản phương hướng chiến lược để điều chỉnh cho năm học kế tiếp.	Báo cáo tổng kết từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023.	Nhà trường	Dur
Tiêu chí 6	[H2-1.2-05]	Kết quả thi đua khen thưởng của trường	Kết quả thi đua từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024	UBND huyện	Hồng